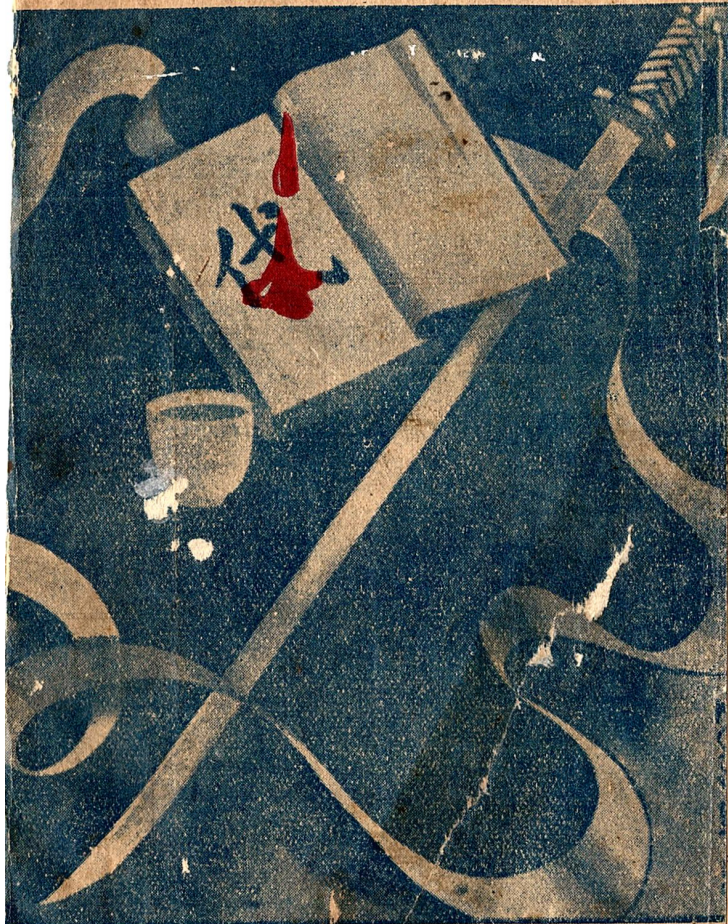


10-10-58

10-10-58

nô thông bán nguyệt san

CHÍ VĂN-HỌC RA ĐẦU THÁNG VÀ GIỮA THÁNG



ản báo oán

CHÍ CỬ CỦA NGUYỄN TRIỆU LÊ

LICH-SỬ' MỘT TỘI ÁC

TIỂU - THUYẾT LÊ VĂN-TRƯỜNG

NHỮNG TÁC-PHẨM HAY

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN DÂN, HANOI

Gia 0\$60

BẢY HỮU

TRUYỀN NGẮN của NGUYỄN HỒNG

Giá 0\$60

NHỮNG TÁC-PHẨM HAY

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN-DÂN, HANOI

TÂN-ĐÀ NGUYỄN KHẮC - HIẾU

VƯƠNG THÚY KIỀU

CHỦ GIẢI TÂN TRUYỆN

TỦ SÁCH TAO ĐÀN

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN DÂN, HANOI

0\$75

Phô thông bán nguyệt san

TẠP-CHÍ VĂN-HỌC RA ĐẦU THÁNG VÀ GIỮA THÁNG



MỖI THÁNG XUẤT-BẢN 2 SỐ
MỖI SỐ GIÁ BÁN 3 HÀO

Nửa năm 12 quyền 3\$30

Cả năm 24 quyền 6\$50



Thư, mandat đề tên ô. Vũ-đình-Long
Chủ-nhiệm Phô-thông bán-nguyệt-san
93, Phố hàng Bông, Hanoi (Bắc-Kỳ)



Lệ mua báo phải trả tiền trước. Không
có tiền kèm theo thư mua báo, xin miễn
trả lời. Trả tiền bằng tem cũng được

NHA XUẤT-BẢN TÂN-DÂN
ô 93, Phố Hàng Bông, - HANOI - (Bắc-Kỳ)

Phô-thông ban-nguyệt-san

ĐẢ ĐĂNG NHỮNG TÁC-PHẨM DƯỚI ĐÂY

1. Tắt lửa lòng của Nguyễn-công-Hoan
2. Cô Tư Thung của Lê-văn-Trương
3. Một đêm vui của Ngọc-Giao
4. Ai lên Phố Cát của Lan-Khai
- 4^{bia}. Khói hương của Từ-Ngọc
5. Hai thăng khổn-nạn của Nguyễn-công-Hoan
6. Một người. I của Lê-văn-Trương
7. Một người. II của Lê-văn-Trương
8. Tấm lòng vàng của Nguyễn-công-Hoan
9. Chiếu ngai vàng của Lan-Khai
10. Thần Hồ của Tchyá
11. Hòm đựng người của Nguyễn-triệu-Luật
12. Một người cha của Lê-văn-Trương
13. Đào kép mới của Nguyễn-công-Hoan
14. Cái hột mận của Lan-Khai
- 14^{bia}. Con đười-ươi của Lưu-trọng-Lưu
15. Một trái tim của Lê-văn-Trương
- 15^{bia}. Ngược dòng của Từ-Ngọc
16. Linh-hồn hay xáo-thiệt của Tchyá
17. Người thầy thuốc của Thanh-Châu
18. Tơ vương của Nguyễn-công-Hoan
- 18^{bia}. Vi nghệ-thuật của Kinh-Kha
19. Con đường hạnh-phúc của Lê-văn-Trương
20. Gái thời loạn của Lan-Khai
21. Một lương-tâm trong gió Vũ. I của Lê-v-Trương
- 21^{bia}. Từ thiên-đường đến địa-ngục của Lưu-tq-Lu
22. Một lương-tâm trong gió lốc. II của Lê-v-Trương
23. Bước đường cùng của Ng-công-Hoan (bị cấm)
24. Liếp-Li của Lan-Khai
25. Nàng công-chúa Huế của Lưu-trọng-Lưu
26. Sóng vũ-môn của Nguyễn-công-Hoan
27. Một nghìn một đêm lẻ của La-Sơn
28. Trong ao tù trường-giã. I của Lê-văn-Trương
29. Trong ao tù trường-giã. II của Lê-văn-Trương
30. Hai Ngà của Từ-Ngọc

Phổ-thông ban-nguyệt-san

- Số 31. Ngựa đã thuần rồi, mới ngai lên. *Lê-v-Trương*
» 32. Người hay bóng của *Lan-Khai*
» 33. Huế một buổi chiều của *Lưu-Trọng-Lư*
» 34. Lá ngọc oanh vàng của *Nguyễn-công-Hoan*
» 35. Trang của *Lan-Khai*
» 36. Nát ngọc của *Cẩm-Khê*
» 37. Cô Nguyệt của *Lưu-trọng-Lư*
» 38. Một cô gái mới của *Lê-văn-Trương*
» 39. Oan nghiệt của *Tchya*
» 40. Cơn ác mộng của *Lan-Khai*
» 41. Trớ vồ lửa ra của *Phan Khôi*
» 42. Nắng đào của *Nguyễn-xuân-Huy*
» 43. Tôi là mẹ. I của *Lê-văn-Trương*
» 44. Tôi là mẹ II của *Lê-văn-Trương*
» 45. Tiếng gọi của rừng tham của *Lan-Khai*
» 46. Ngược đường trường thi của *Ng-triều-Luật*
» 47. Một người đan kho của *Lưu-trọng-Lư*
» 48. Người vợ lẽ hận tội của *Nguyễn-công-Hoan*
» 49. Dứt tình của *Vũ-trọng-Phụng*
» 50. Bóng cò trắng trong sương mù của *Lan Khai*
» 51. Cảnh sen trong bùn. I của *Lê-văn-Trương*
» 52. Cảnh sen trong bùn. II của *Lê-văn-Trương*
» 53. Hồn về của *Cẩm Khê*
» 54. Cô gái tân thời của *Lưu-trọng-Lư*
» 55. Tay trắng, trắng tay của *Nguyễn-công-Hoan*
» 56. Một nghìn một đêm lẻ của *La-Sơn dịch*
» 57. Hồng thâu của *Lan Khai*
» 58. Chiếc nhẫn vàng của *Nguyễn công-Hoan*
» 59. Khi người ta dối của *Trương Tửu*
» 60. Con bồ câu trắng của *Thanh Châu dịch*
» 61. Ông chủ báo của *Nguyễn-công-Hoan*
» 62. Bốn bức tường máu. I của *Lê-Văn-Trương*
» 63. Bốn bức tường máu. II của *Lê-Văn-Trương*
» 64. Cưỡi đầu voi dữ của *Lan-Khai*
» 65. Tình-sử của *Trúc-Khê dịch*
» 66. Tội ác và hối hận của *Vũ Bằng*

NGUYỄN TRIỀU-LUẬT

RẢN BẢO OÁN

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT



RẢN BẢO OÁN

I

Năm ấy là năm Thiệu-bình thứ tư đời vua Lê Thái-Tông, lịch tây vào năm 1437. Việc binh-dịnh thiên-hạ đã hồ yên, trong triều ngoài dã đều được thái-bình vô sự. Vua hết nghĩ chế âm-nhạc lại sắp đi quan-ngư ở Tây-hồ Quan-ngư tức là đi xem đánh cá. Việc ấy nó cũng thường như việc đi săn đi bắn mà thôi, nhưng đối với các bậc đế-vương thì nó phải có vẻ khác. Nó lại là một vấn-đề cho các quan bàn tán vì việc ấy có chép ở Tả truyện. Các quan bấy giờ cũng có ông đỡ người đóng các vai Tang Hi-Bá mà khuyên can lời thôi mãi. Mà những lời khuyên can toàn là chữ sáo cũ trong sách cả. « Xuân suu, hạ miêu, thu tiền, Đông thú » tóm lại cũng là săn cá mà các ông cứ ngồi cãi vã mãi. Làm sao được : nhà nho hay nhìn, bàn việc bằng sách kia mà ! Vua Lê Thái-Tông là ông vua phóng khoáng, ông kệ thây cả chữ nghĩa thầy Tả Khru-Minh mà cứ nhất định đi xem cất vó ở Tây-hồ.

Một buổi chiều tháng ba, vào lúc trời gần xế bóng, trên con đường phố Cầu-đông, lững-thững có một ông cụ già, theo sau một đứa tiểu-đồng. Ông cụ già ấy tuy tóc đã hoa-râm, nhưng trông người còn quắc-thước lắm. Đầu đội mũ ni vóc thắm, mình mặc áo địa lam chần, tay cầm gậy trúc, chân đi giày vắn-hải, dáng ông đi còn có vẻ chắc chắn, vững vàng lắm. Cái gậy trúc ông cầm, chẳng qua chỉ là cái vật làm dáng cho bộ râu bạc mà thôi, chứ chẳng phải là vật dùng để giúp vững-chãi lúc tuổi già. Đi đến chỗ Cổng-Tréo (1) ông cụ nhác trông thấy một người con gái gánh chiếu đi bán trở về. Thấy người trông cũng dễ coi, ông bèn đọc bốn câu thơ hỏi bốn :

*À ở đâu mà bán chiếu gon ?
 Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
 Xuân xanh phỏng độ chừng bao nhĩ ?
 Đã có chồng chưa ? Được mấy con ?*

Người con gái đổ gánh chiếu xuống, tươi cười đọc họa vắn bốn câu thơ đáp lại rằng :

*Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon.
 Can chi ông hỏi hết hay còn ?
 Xuân xanh mới độ giăng tròn lẻ !
 Chồng còn chưa có, hỏi chi con ?*

Người con gái họa bài thơ ấy thấy ông cụ già đạo mạo lại còn có tính chơi trống bỏi nên dạn

1. — Chỗ ngã-lư Hàng Lược bây giờ.

ý nói xác chơi. Câu thứ tư « chồng còn chưa có, hỏi chi con ? » Nguyên ý thẳng thắn là : chồng tôi còn chưa có, ông còn hỏi làm chi đến con với cái, nhưng có ý đặt câu hai nghĩa để gọi ông cụ là con.

Thấy người thiếu-nữ có ý hoạt-bát tinh ranh, ông cụ bèn nửa cười nửa nghiêm mà nói :

— Con còn bé dại, chớ học chi những thói vô lễ như thế, đối với người già cả.

— Dám hỏi trưởng-giả là ai ?

— Ta là Quan-phục-hầu.

Người thiếu-nữ nghe nói lùi lại một bước, nhìn kỹ ông cụ mà nghĩ bụng rằng : « Có lẽ phải thật. Ông lão này trông thần-thái hơi giống ông Trần Hưng-Đạo ta thường nom thấy trên tranh. Trông bộ-diệu ra dáng một vị cổ-lão thiên-triều : Tiên-đỉnh (1) sáng sủa, khí đường-phù (2) hiện ra nhật-giác (3). Người này vị ở công hầu, tên ghi sử sách. Hơn mười năm nay ta chỉ mong được trông Tử-Phòng (4) Khổng-Minh (5) nước ta, ngờ đâu ngày nay ở trước mắt mà ta không biết. Mặt ta thật còn tục lắm. Đã tục mà lại ngu :

(1) Chỗ giữa hai lông mi

(2) Kúi đỏ hồng hào.

(3) Chỗ góc trên trán. Mấy chữ 1, 2, 3 này là chữ ở sách tướng.

(4) Tên hiệu Trương-Lương,

(5) Tên hiệu Gia-cát-Lương.

Quan-phục-hầu là khai-quốc công-thần, là ông quan to ở triều, là bậc sư-phụ Kim-thượng, còn ai có thừa đầu đầu mà dám mạo nhận mà ta phải ngờ là thật giả ! » Nghĩ vậy, nàng bèn phục xuống lạy mà thưa rằng :

— Xin quốc-lão dung thứ cho con. Con thật mắt tục không nhận nổi anh-hùng giữa đêm trần ai. Con đây, bài cáo Bình-Ngô vốn vẫn thuộc lòng, bây giờ con mới biết quốc-lão. Con có phúc gì mà được gặp hôm nay. Chẳng hay quốc-lão đi đâu mà trở-trọi có hai thầy trò như vậy ?

— Kim-thượng sắp lên quan-ngự Tây-hồ. Ta đây muốn đến trước xem dân và quan sở-tại chúng nó đã sửa sang để nghênh-tiếp thánh-giá chưa ? Ta vốn tính điềm-đạm không ưa trương-hoàng náo-nhiệt, nên chỉ một thầy một trò đi cho tĩnh.

Người con gái đứng dậy nói :

— Gửi (1) quốc-lão, con mười năm nay vẫn ca-tụng cái công-nghiệp và trời lấp biển của quốc-lão. Thân tàn này sơ-dĩ còn lại cũng là nhờ quân Bình-Định ở Lam-sơn.

— Tiên-đế vì thương muôn vạn sinh-linh mà dựng cơ nghĩa ở Lam-sơn. Công binh-thành ấy, ai ai cũng đội, chứ riêng gì một con.

(1) Tiếng cổ dùng như chữ thưa.

— Thế mà riêng con đội ơn ấy dường như nhiều nhất. Con cùng quân Minh có cái thù chẳng đội chung giới. Quân Bình-Định chém Liễu-Thắng, đuổi Vương-Thông là vì giang-sơn tổ-quốc, nhưng riêng đối với con thì như giả được thù cha.

¶ — Con có thù gì ?

— Cha con sinh gặp thì loạn, rớt nhà biển cổ, bị chết oan dưới mũi dao quân thù. Năm Canh-tí, giữa năm Tiễn-đế ra đóng quân ở Lỗi-giang là năm cha con mắc nạn.

Mẹ con vẫn thuật chuyện lại, con nghe rất lấy làm ghê sợ. Đầu năm ấy, giữa hôm tết khai-hạ, cha mẹ con đương ngồi ăn cơm. Cha con nói rằng: « Ta vẫn lấy làm áy náy lắm. Bức thư ta viết cho Lê-Ngã ở Thủy-đường rủ mìn vào tay quân giặc thì linh-mệnh nhà này cũng khó toàn. »

Cha con vừa nói đến đấy thì một lũ đầu trâu mặt ngựa đưa dao, đưa phạng. Cha con bảo mẹ con chạy ra đằng sau tránh, rồi thì với con dao treo trên tường chạy ra sân chống với lũ giặc, cũng chẳng mong gì cứu được thân, chỉ là kế hoãn-binh cho mẹ con chạy thoát. Trong giây phút, chúng giết xong cha con rồi kéo nhau ra đằng sau nhà. Lúc đó mẹ con vừa đến dệ hồ. Trông thấy lũ giặc gần tới, mẹ con nhảy tùm xuống hồ. Lũ giặc lấy giáo chọc xuống nước mấy

cái rồi kéo lên. Mẹ con bấy giờ só mang được bảy tháng. Bụng mang dạ chứa, trời rét phải ngâm nước, mười phần cầm chín phần là chết. May sao trong khi quần-quai dưới hồ, tay lại vớ được chiếc rễ si, bám lấy mà lặn lên. Ngóc đầu lên, thấy quân giặc đi đã hết, mẹ con liền lên bờ sang nhà hàng xóm. Hai tháng sau, mẹ con sinh ra con. Con mang cái thù cha từ ngày còn ở trong bụng. Kịp khi hơi lớn lên, biết chuyện cũng không biết thù riêng đứa nào vì lũ kia hạ tốt vô danh, vả cũng không biết là những đứa nào được, con liền đem bụng thù cả lũ giặc Minh. Mỗi lần con thấy tiên-đế đánh được giặc Minh là con reo mừng hả dạ, tưởng như trả được thù cha.

Người con gái nói đến đây bồng nắm tay mà cười. Cái nắm tay lộ vẻ giận quân thù, cái cười tỏ trong bụng đã có phần được hả.

Quan-phục-hầu lại hỏi :

— Nàng sinh năm nào, ta lại quên mất rồi ?

— Con sinh năm Canh-tí. Giữa năm mẹ con đẻ con là năm Tiên-đế đánh được quân Lý-Bân ở Thi-lăng rồi dời về đóng ở Lỗi-giang.

Quan-phục-hầu vừa tính đốt ngón tay, vừa cười, vừa nói :

— Canh-tí... Tuổi Canh-tí bây giờ 18 tuổi rồi. Nàng đẻ giữa năm đức Tiên-đế về đóng ở Lỗi-giang à ? Ấy cũng giữa năm ấy ta vào yết-kiến

Tiên-đế và được ngài dùng. Thế ra ta xuất-thân giữa năm nàng sinh, hoặc Tạo-hóa có ý gì vào chỗ đó chăng ?

Người thiếu-nữ đỏ mặt lên cúi đầu không nói gì.

Một tháng sau, người con gái bán chiếu ở Tây-hồ là Nguyễn-thị-Lộ đã vào ở phủ-đệ Quan-phục-hầu. Ngoài việc hầu hạ sớm khuya, nàng lại lấy nghề thi văn cầm ca mà vui lòng lão-tướng.

Một hôm lui triều, Quốc-lão coi như có vẻ tức giận. Phu-nhân hỏi rằng :

— Chẳng hay hôm nay trong triều có việc gì mà tướng-công coi có vẻ giận-dữ như thế ?

— Hổng mất ! Kim-thượng bây giờ chỉ nghĩ về việc âm-nhạc cùng nghi tiết nhằm thôi mà lại lin dùng bọn tiểu-nhân. Thằng Lương-Đặng chỉ vì khéo hiển nịnh mà vừa rồi Kim-thượng cất lên chức đô-giám. Phép cũ của Tiên-đế thay đổi hết, người trung lương nói thì làm ngơ đi. Cử triều bây giờ chỉ toan đường kéo bè, kéo đảng mà khuynh loát lẫn nhau.

Thị-Lộ đứng hầu một bên cười mà nói rằng :

— Nước Đại-việt ta từ Khúc tiên-chủ (1) đến nay đã tám lần đổi-cách (2). Họ Khúc tuy đứng

(1) Tức là Khúc-thừa-Dụ.

(2) Đổi vạc: đổi triều vua.

chủ-trương sơn-hà, song danh-vị vẫn còn là biên thân nhà Đường, nhà Hậu-Lương chứ vẫn chưa chính danh-vị. Đuổi cường-địch, dẹp loạn lớn mà nổi nghiệp chỉ có nhà Ngô, nhà Đinh nhà Tiền Lê. Còn các nhà khác đều nhân lúc chúa gài vua non mà thay mệnh. Nhà Ngô, nhà Đinh đều đoản-tộ (1) cả. Hoặc giả địa mạch nước ta như thế mà hoàng-triều bây giờ cũng theo khuôn nhà Ngô nhà Đinh chăng ?

Quan-phục-hầu quay lại bảo rằng :

— Mày biết gì mà dám nói cuồng-dại như thế ?

Thị-Lộ nói :

— Điều tôi vừa nói là mạn-tướng xằng thế mà thôi. Nhưng có điều này tướng-công cũng nên đề tâm.

— Điều gì ?

— Thường lệ xưa nay thì nghiệp lớn thành rồi, công-thần bị giết. Tiên-đế lên ngôi được hơn một năm thì giết quan Hữu-tướng-quốc Trần-nguyên-Hãn ; năm sau thì giết quan Thái-úy Phạm-văn-Sảo. Tướng-công đã thoát cái va Văn-Chúng Hàn-Tín rồi, còn tham quyền cố vị làm gì nữa. Đương lúc này tướng-công nên theo gương ông Chu Văn-Trinh (2) là hơn cả.

(1) Ngắn ngôi.

(2) Chu Văn-An chết, thụy là Văn-Trinh.

Quan-phục-hầu cười mà rằng :

— Ta có ý buồm mây khói tỏa, đã có Tây-Thi khuyên thì lại càng nên lắm (1).

Xã Chi-ngại thuộc huyện Chí-linh tỉnh Hải-dương bây giờ có núi tên gọi Côn-sơn. Trong núi có động tên gọi Thanh-hư động. Hồi cuối đời nhà Trần, vua Trần Nghệ-Tông thất-chính, quyền về cả Lê-quý-Ly, Ông Trần-nguyên-Đán thấy quốc-chính gần đổ nát, bèn xin về trí-sĩ ở núi Côn-sơn. Ông sửa-sang vườn được làm thành cái sơn-trại con. Trại tựa vào núi có dãy trúc mọc vòng trông rất ngoạn-mục. Sau Trần-nguyên-Đán mất, nước lại gặp loạn-lạc nên trại ấy bỏ hoang. Ông Nguyễn-Trãi là cháu ngoại ông Trần-nguyên-Đán nên nay ông muốn xin về trí-sĩ ở Côn-sơn mà sửa lại vườn cũ cho ông ngoại.

(1) Phạm-Lãi giúp vua Câu-tiến khi thành công đem nàng Tây-thi thả thuyền đi chơi Ngũ-hồ, không thêm ở lại mà hưởng giàu sang.

Lui về Côn-sơn

Ba tháng sau cả nhà Quan-phục-hầu dọn ra ở sơn-thủ Côn-sơn cả. Từ đấy trở đi, ông quên mình cùng với núi non, khi đi chơi Yên-tử, lúc điếu cỏ Vạn-yên. Ông có làm bài Côn-sơn ca ở nhà thường hát, dịch nôm rằng :

*Núi có suối tiếng reo như hát,
Ta lấy làm đàn nhạc véo von ;
Sườn non có đá mấy hòn,
Trời mưa tầy mốc xanh rờn sắc rêu ;
Trong động kia thông reo vạn gốc,
Xanh chập chùng cây mọc vạn hàng.
Rêu thay đệm, đá thay giường,
Bóng cây nghỉ mát ta thường ở trong.
Rừng xanh thăm mấy vòng trúc mọc,
Ta vẫn thường ngâm đọc ở bên.
Nhớ về / sao khách hay quên ?
Nửa đời bùn bụi bám bên cạnh mình.*

Mùi chung đỉnh vô tình thổi nhá,
Thổi, cơn xoàng, nước lũ cũng xong.
Kìa như vàng ngọc đầy cong,
Hô-tiểu trăm học cũng xong một đời.
Núi Thủ-dương kìa ai nhìn đôi,
Tiếng kìa còn chói-lọi nghìn thâu.
Hiền, ngu vốn chẳng như nhau,
Vì lòng sợ dục sợ cầu đôi nơi.
Trăm năm hết theo loài cây cỏ,
Nỗi buồn vui đen đỏ đuổi quanh.
Đời người hết nhục sang vinh,
Lâu dài cũng ở, tre gianh cũng vào.
Xác vùi rồi, ai nào vinh nhục,
Hỏi khách đời hăm hực làm chi ?
Sào, Do vì có ngày nì,
Sơn trung khúc hát xin nghe cho tường.

III

Vua tôi xướng họa

Tháng bảy năm Nhâm-tuất, niên hiệu Đại-bảo thứ ba, tức là năm 1442, vua Lê Thái-Tông đi duyệt binh ở Bạch-đăng-giang, khi về đi qua hạt Chí-linh, sơn xuyên phong cảnh thanh kỳ, dân cư già trẻ lớn bé ra nghênh giá, lũ lượt reo hò, rõ cảnh tượng thắng binh thịnh-trị. Ngài (1) ngồi trong kiệu trông ra, nói với quan thái-giám Lương-Dật rằng :

— Chỗ này sơn thanh thủy tú, đáng cho những bậc thanh cao ẩn-sĩ hưởng thú lâm toàn.

Lương-Dật lâu :

— Đây gần Côn-sơn, có biệt-thử của quốc-sư Quan-phục-hầu, bệ-hạ quên chăng ?

Vua sức nhớ ra :

— Ừ, trăm cũng nhãng đó. Khi quốc-sư xin về nghỉ có nói là về chỗ cũ của ông ngoại là Trần-nguyên-Đán. Chỗ ấy thế nào ?

(1) Xưa kia chữ Ngài dùng riêng để chỉ vua Bây giờ dùng lạp cả.

— Quốc-sư vốn tính thanh cao đạm bạc, một lòng ưu-quốc không nghĩ đến nhà cho nên nhà cửa cũng không lấy gì làm lộng-lẫy. Song cũng đủ hoa cỏ bốn mùa, suối rừng khắp mặt.

— Phải, chỗ ở thế mới là chỗ ở của thần tiên. Ta ngồi trên vạn-thặng (2) nhưng thực không sướng bằng quốc-sư. Lâu nay ta vẫn muốn đến thăm, trước là giải lòng yêu kính công-thần đức Hoàng-khảo, sau là được cùng quốc-sư trò chuyện. Ta gặp ông giữa nơi n thặng kỳ quan này, có khác gì vua Hoàng-đế nói chuyện với ông Quảng-thành-tử ở núi Không-đồng khi xưa.

Vua truyền dừng kiệu lại hỏi thổ quan :

Lương-Dật lâu :

— Đây cách Côn-sơn mười dặm. Cứ thổ-quan nói thì núi xanh xanh kia là Côn-sơn. Dưới chân núi, theo dòng nước biếc có vườn hoa trăm sắc, cụm trúc rườm-rà, đó là biệt-thử Sư-thần.

Vua truyền quân đóng lại, chỉ lấy ba-mươi tên vũ-lâm, hai quan nội-các cùng bọn cung-giám theo hầu. Đi được năm sáu dặm đã thấy một vị lão-thần đem vợ con quì bên cạnh đường đón giá.

Vua truyền miễn bái cho quốc-sư cùng lão phu-nhân và cho phép được lên vống theo ngựa về. Chiều hôm ấy đến sơn-thử. Cụ Ưc-tra;

(2, Vạn cổ xe : đời xưa thiên-lữ có vạn cổ xe.

dâng đồ ngự-thiện. Vua truyền quốc-sư ngồi thi yến. Ngà ngà say, vua truyền lấy giấy bút, viết một mạch tám dòng thơ đưa cho cụ Ưc-trai mà nói rằng :

— Trẫm mới nghĩ được bài thơ gọi là đề tặng quốc-sư. Quốc-sư họa lại cho vui.

Cụ Ưc-trai đứng dậy nâng tờ hoa tiên, làm lễ gia ngạch rồi đọc :

*Duyệt bãi lâu thuyền hải thượng hồi,
Côn trang đặc-đặc lục-phi lai.
Chỉ cảm lục-dã nhân-vân thử.
Thượng ức Lam-giang phụ-phượng tài.
Hồ lý hữu thiên vong giáp lý,
Sơn trung vô địa khổ lâu đài.
Bằng thùy vị ngã đan thanh thử,
Họa xuất hồ khe vạn liễu mai.*

Diễn nôm :

*Quán duyệt sông Đằng đã thành thơ,
Côn trang đặc ý nghĩ chân chơi,
Nay năm vân-thử nhân năm tháng,
Xưa nhớ Lam-giang tổ tướng tài.
Trời đất một bầu quên tuổi nguyệt,
Núi rừng không đất dựng lâu đài.
Vì ta ai vẽ tranh trăm sắc,
Man mác hồ khe điểm liễu mai.*

Đọc xong, cù lại lấy bút mực viết thơ họa đưa lên ngự-lãm. Vua cầm hoa-tiên đọc :

*Phảng phất Quán-Thiên mộng kỷ hồi,
Sơn trung kinh hỉ Thúy-hoa lai,
Di trâm thâm cảm tiên triều cự,
Định sách đa làm tá-trị tài.
Tự hạnh nhàn thân chỉ khuru hác,
Cảm ngón vô địa khỉ lâu đài.
Hồ sơn thao ngộ thần du lạc,
Vũ lộ xuân đàm nhuận liễu mai.*

Diễn nôm :

*Giấc mộng Quán-Thiên mãi chữa thôi,
Trong rừng mừng báo chúa qua chơi.
Chiếc thân vớt bỏ, vua còn nhớ,
Giúp giập đâu khoe Trãi có tài.
May được quên mình giữa khe suối,
Dám khoe không đất dựng lâu đài.
Hồ sơn hờn hở chào Long-giá,
Mưa móc tưới nhuận vạn liễu mai.*

Vua xem thơ xong gật đầu cười nói :

- Thơ khanh trung hậu mà thanh tao lắm.
- Thần xin cũng có một bài mừng Thánh-thượng, xin viết trình ngự-lãm.
- Càng hay !

Cụ Ưc Trai viết một bài ngũ ngôn dâng lên,
vua cầm đọc :

*Lăm thắng khiếp thần hoan,
Hồ sơn nguyệt vị lan,
Vân khai huyền tượng lằng,
Mai thốc lộ hương đoàn,
Chỉ khủng quỳnh-lâu viễn,
Thiên kinh ngọc vũ hàn,
Hữu hoài Tô học sỹ,
Thủy diệu nhập sương hàn.*

Diễn nôm :

*Lăm thắng vua vui bụng,
Trăng ngàn vẫn chữa tàn,
Mây quang rõ huyền tượng,
Mai động nức hương đoàn,
Chỉ sợ quỳnh-lâu cách,
Thêm e ngọc-vũ hàn,
Nhớ xưa Tô học-sĩ,
Ngọn bút tả thơ thần.*

Vua xem xong cầm bút viết ngay bốn câu
rằng :

*Trạm lộ nhất đường hoan,
Ngâm thù hưng vị lan,
Khê phong từng thốc thốc,
Trúc nguyệt lộ đoàn đoàn.*

Diễn nôm :

*Móc đậm nhà vui vẻ,
Thơ ca hứng chứa tàn,
Rào rào thông vạn gốc,
Động móc trúc một đoàn.*

Viết đến đây thì dừng bút. Khi đó vua đã quá say. Vả lại nghề họa thơ, trói voi bỏ giò, thúc phọc vì vắn, nên nghĩ mãi không tiếp được. Vua quăng bút nói rằng :

— Trẫm nổi nghiệp Tiên-hoàng, tuy không phải thi dụng võ, nhưng công việc còn bề-bộn nên cũng không năng làm. Nay phải họa theo vắn thì càng vụng lắm. Tiệc hôm nay thật là « cường chủ áp tân »... Thôi, trẫm thua khanh.

IV

Lễ-Nghi Nữ-học-sĩ

Xong tiệc rượu, vua truyền Quốc-sư dọn chỗ sơn-phòng ngai nghỉ. Vua ngồi trong phòng, mở cửa sổ trông ra thấy cỏ hoa vạn sắc, hương ngào ngạt đưa. Dưới bóng trăng sáng nhớ đến câu thơ tiệc rượu, bực tức bần-khoăn mãi không đi nằm.

Bọn nội-giám xưa nay ô-mị vẫn là nghề, thấy vua buồn là họ phải tìm trò vui. Họ thấy vua đi một mình, hậu-phí cung-tần không theo hầu, mà vua Thái-Tông vốn là người sắc dục, nên họ nghĩ ngay được kế lạ. Kế hay sắp sẵn, Lương Nội-Giám quý xuống tàu rằng :

— Lệnh-ngự có điều chi mà không an thánh-thể làm vậy ?

Vua im không nói gì.

Một lúc Lương-Dật lại tàu :

— Chẳng hay con hát chốn sơn-thôn này Sư-tướng có dám dâng hầu ngự không ?

Vua nghe câu này bụng thấy động. Thật Lương-Dật đã gài tròng vào chỗ ngứa của vua.

Nét mừng tuy đã lộ ra mặt, nhưng ngôn-ngữ bấy còn che đây.

— Không ! Trẫm nghĩ thơ họa Quốc-sư đó thôi, chứ có nghĩ gì đến hát xướng cùng nữ-sắc.

Lương-Dật là tay lão-luyện trong nghề đầu-háo ô-mị. Câu đầu tâu, vua không nói gì ; câu sau thấy vua đổi nét mặt, anh ta đoán ngay được tâm-lý vị chí-tôn. Nghề anh nịnh như nghề câu cá, dử quanh, dử quần mãi cho cá đớp mồi. Mồi đã động khi nào lại có buông tay. Nhanh trí khôn, bác trùm « người thiện » nói ngay :

— Ông ấy đã bắt neo Lệnh-Ngự thì Lệnh-Ngự bắt vợ ông ấy họa lại xem sao.

— Bà lão ấy biết gì mà thơ với thần.

— Nhị-cơ (1) nhà ông ấy, Lệnh-Ngự có biết liếng không ? Thật là nữ trung Tô, Bạch (2)

— À ta có nghe thấy nói. Bây giờ nhà người nhắc đến ta mới nhớ ra.

Lương-Dật dùng thuật ấy quá khôn khéo, vừa gợi lòng háo-thắng vừa mơn vào chỗ yếu của vua. Nghề họa thơ mà không nổi hay sinh tức, coi người xướng thơ như định trêu chọc mình. Người họa thơ lại là một vị thiếu-niên thiên-tử thì cái tức ấy khó nén đi lắm. Báo lại cái bản

(1) Vợ hai.

(2) Tô-đồng-pha, Bạch-Cư-Đị. Ý nói là một tay nữ thi-sĩ.

văn-tự ấy mà ai không thích. Huống lại lấy ái-cơ người bắt bí ngón thơ mình làm món lợi-khi rửa hờn chặc vua trẻ háo thắng háo sắc kia phải thuận. Nhận thấy đã rao động được bụng chúa trẻ, Lương-Dật đem hết tài sắc Nguyễn-thị-Lộ ra khoe và xin vua truyền ngay Sư-tướng đem gia-thiếp ra hầu thơ.

Vua mười phần đã đắm cả mười, song dù thế nào cũng còn phải giữ lễ nghĩa vua tôi, nên bảo Lương-Dật :

— Đêm hôm khuya-khoắt, phiên nhà lão-tướng làm chi. Đề mai trăm thử hỏi xem sao.

Đến hôm sau vua đã toan truyền giã từ sơn-thứ đi tuần hành chổ khác. Lương-Dật lại nhắc đến chuyện hôm qua. Vua liền hỏi cụ Ưc-Trai :

— Nhị-cơ nhà Quốc-sư, trăm nghe nói là tay Tô Bạch trong đám quần thoa. Quốc-sư thử gọi ra trăm hỏi.

Cụ Ưc-Trai vào trong nhà dục Thị Lộ ra tạ ân. Thị-Lộ không chịu ra nói :

— Như thế còn ra thế-thống gì nữa !

Phu-nhân cũng nói rằng :

— Xin tước-công nghĩ lại, đừng bắt nhị-cơ ra hầu. Tôi đã rõ : thần phi là người rất nghiêm-khắc, quân hoạn quan này lại là lũ đòn xóc hơi đầu, phỏng khi Tây-cung nghe có việc này mà hó

lại bày thêm chuyện ra, chắc nhà ta phải cái nhục ở giữa chốn triều đường mà chốn thị-phi muôn đời không biện-bạch ra được.

Cụ Ưc-Trai nói :

— Vua đòi cho nó ra hầu mà không cho ra, ta trước hãy phạm tội vi-chỉ (1) đã. Hoàng-gia với công thần, nghĩa là vua tôi, tình như cha con, ta cũng chẳng nên kiêu-cách quá. Vả giữa ban ngày, trước mặt các quan thị-ung ai vu cho sự gì được. Thần-phi tuy nghiêm nhưng tính minh-sát, ai dễ đầu sàm (2) được.

Bất-đắc-dĩ, Thị-Lộ phải ra hầu, dập đầu làm lễ :

— Tiện-tỳ nấp bóng trong vườn lục-dã (3) không ngờ tiếng tăm lại thấu đến Cửu-trùng.

Vua truyền cho đứng dậy rồi đưa tờ hoa tiên của Quốc-sư cho Thị-Lộ :

— Hôm qua Quốc-sư đây bắt trăm theo mấy văn thơ, trăm phiên Khanh giúp hộ.

Thị-Lộ đứng dậy đỡ tờ hoa tiên. Vua truyền tứ tọa (4). Thị-Lộ làm lễ gia ngách rồi ngồi cầm bút lấy mực. Khi hạ bút toan viết, vua lại nói :

(1) Trái ý vua.

(2) Thừa dịp mà dèm-báng.

(3) Chỗ ông Tề-tướng về trí-sĩ ở.

(4) Cho ngồi.

— Trẫm đã làm xong bốn câu trên, phiền khanh nối nốt bốn câu dưới thôi.

Thị-Lộ viết ngay bốn câu dưới rằng :

*Lam quang thủy dục trích,
Hồ kinh tĩnh sinh hàn,
Độc ái Khúc-giang lâu,
Thành thị dật thê hàn*

Diễn nôm :

*Mây quang núi thêm biếc,
Hồ sạch nước sinh hàn,
Riêng nhớ Khúc-giang lâu,
Giấy họa vắn điệu thần (1)*

Viết xong đưa trình ngự-lãm. Xem xong vua nói :

— Quên mất ! trẫm không bảo trước khanh rằng thơ trẫm họa điệu trắc. Bốn câu của khanh nối vào bốn câu của trẫm thành ra thơ thất-niem. Thôi, cũng chẳng hề chi !

Vua tấm-tắc khen mãi, truyền nội-các thảo ngay chiếu phong cho Thị-Lộ làm Lễ-Nghi Nữ-bọc-sỹ.

(1) Dịch thơ thất-niem cũng phải theo mà thất-niem. Dịch thơ đã là khó mà dịch thơ xướng họa lại là khó hơn. Độc-giả lượng cho những chữ dịch còn hời nghĩa nguyên văn.

Đến Lệ-chi-viên

Phong xong Thị-Lộ làm Lễ-Nghi Nữ-học-sĩ, vua truyền xa giá hồi loan. Lại truyền Quốc-sư cùng Nữ-học-sĩ theo khải Sơn-thử mười dặm để cùng nói chuyện sơn-thủy. Đi được năm dặm Quan-phục-hầu thấy mỏi mệt, xin từ giá (1) về. Vua nói :

— Quốc-sư đã già, trăm không nỡ bắt theo giá mãi. Nhưng câu chuyện đương nồng, khanh để Nữ-học-sĩ theo trăm hết mười dặm hãy về.

Cụ Ưc-Trai nghe vậy, lúng-túng không biết nói thế nào bèn cứ vái rồi từ-giá về, không đả động gì đến câu vua vừa nói. Thị-Lộ chưa được lệnh vua cho về cũng đành đi theo. Đi được hơn một dặm thấy vua không hỏi gì đến, nên cho lủi kiệu đi về sau. Đi được năm dặm, Thị-Lộ không thấy có lệnh chỉ cho về bèn đỗ kiệu nói với Lương Thái-giám rằng :

(1) Đừn, lăm là từ giá.

— Tôi đi theo giá mãi thế này là nghĩa lý gì ?
Xin quan nội-giám đến tàu cho tôi về.

Thái-Giám nói :

— Cô muốn về thì đến tàu lấy mà về. Ai có
mấy dầu mà dám vin kiệu vua lại tàu nhằm.

Thị-Lộ lại tìm hai quan Nội-các để mong gửi
lời tàu hộ thì quân quan với ngựa voi chen
đông tìm ra cũng khó. Bọn Nội-giám họ lại chơi
ác, thúc các quan thị-tụng đi sát kiệu vua, ai
dám tới gần. Không nhờ ai tàu giúp hộ cho được,
chưa có lệnh chỉ cho giờ gót, Nữ-học-sĩ đành
phải ngồi kiệu vua ban cho Quốc-sur mà đi theo
đến chỗ trụ-tất (1) chắc thế nào cũng xin về
được.

Ở Côn-Sơn bắt đầu đi từ cuối giờ dần, đến đầu
giờ dậu thì đến Lệ-chi-viên là chỗ trụ-tất. Hai
quan Các thấy kiệu Thị-Lộ giạt mình đến hỏi
rằng :

— Như phu-nhân theo ngự-giá đến mãi đây
làm gì ? Bây giờ về cũng tối rồi mà ở lại thì
quân quan dộn-dip, đàn bà con gái ở vào đâu
bây giờ ?

Thị-Lộ bèn thuật chuyện Lương-giám cho hai
quan Các nghe. Nghe xong, hai quan Các bảo
nhau rằng :

(1) Chỗ đứng lại nghỉ chân.

— Bọn Nội-giám họ thường như thế. Lần này họ cố dìm nhị-cơ nhà Quốc-sư đến đây toan làm hại thánh-đức. Ta phải bịt kín không cho hoàng thượng biết mới xong.

Hai quan Các bèn bảo lý-dịch sở tại dọn chỗ tịch-mịch cho Thị-Lộ nghỉ.

Lệ-chi-viên là gì ? Là một ly-cung dựng lên từ đời nhà Lý. Lệ-chi-viên nói nôm là Vườn-Vải.

Các vua nhà Lý dựng nhiều li-cung ở vùng Bắc-ninh. Quanh li-cung cây cối giồng rất nhiều. Sau chính-thể đổi họ, li-cung đổ nát, cây cối mọc rậm thành rừng, tức như rừng Báng ở làng Đình-bảng, rừng làng Du-lâm (phủ Từ-son) Vườn-vải ở làng Đại-lai (huyện Gia-bình). Trong các li-cung đó chỉ có hai cái là có vết trên lịch-sử.

Sử chép rằng :

Năm nhâm-thìn niên-hiệu Kiến-Trung thứ tám đời vua Trần Thái-Tông (1232) nhân làm lễ 7 iên Hậu nhà Lý ở thôn Thái-Đường, làng Hoa-lâm (huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-Ninh) Trần Thủ-Độ sai đào hầm, làm nhà lá ở trên, để đến khi các tông-thái nhà Lý vào đây tế lễ thì sụt cả xuống hố, rồi đồ đất chôn sống cả.

Làng Hoa-lâm sau vì quốc-huy cải là Danh-lâm và chia ra làm đôi. Làng mới là làng Du-lâm. Làng ăn vào địa-phận làng Du-lâm.

Sử lại chép rằng :

Năm Nhâm-luất, niên-hiệu Đại-Bảo thứ ba đời vua Lê Thái-Tông (1442), mùa thu tháng tám, vua đi duyệt-binh vùng Cht-Linh, giá về đến xã Đại-lai vườn Lê-Chi, vua mắc ngược tạt mất ở đó.

Khi xảy ra chuyện này, ngự-uyên ở Lê-chi-viên vẫn còn.

Khi xa-giá còn cách Lê-chi-viên mấy dặm, bọn hoạn-quan vượt kiệu vua đi lối tắt đến trước đề sắp sửa chỗ trụ tất đêm ấy. Công việc sắp sửa đã xong, ba anh hoạn quan ngồi dưới gốc vải xanh tán chuyện.

.
 (Kiểm duyệt bỏ 1 trang)

Anh thứ nhất, lắng tai nghe có tiếng động ở bên cạnh, vừa chạy vừa nói :

— Các anh cứ ngồi đây nhé, để tôi xem « ông Lớn Dài » làm gì mà quấy quai tợn thế này.

Nói xong anh hoạn quan thứ nhất chạy ra chỗ góc vườn có đề một cái cũi nhỏ phủ vải kín. Lật chiếc màn vải lên, thấy trong cũi cuộn khúc một con rắn trắng, miệng đang dở nuốt con

gà. Thấy người vén màn, con rắn tròng đôi mắt nhìn. Anh hoạn quan bỏ màn xuống, đi đến chỗ gốc vải ngồi nói chuyện, vừa đi vừa cười :

— Các anh ạ ! Ông lớn xoi gà. Thảo nào tiếng cựa mạnh dữ.

Đằng xa gió thoảng đưa lại tiếng bát âm nhã-nhạc chen tiếng loa gọi trống vang.

— Ngự giá gần tới rồi. Ta ra cổng sau chạy tắt cánh đồng mà hợp vào đoạn hậu-quân đi thôi.

Nói xong cả bọn ù-té chạy.

Thờ hay, người đẹp, rượu nồng

Đến chiều tối hôm ấy mới dâng ngự-thiện. Lương-Dật có ý sẵn tâu rằng :

— Lễ-nghi Nữ-học-sĩ theo ngự-giá tới đây.

Tâu chưa kịp hết câu thì đằng sau có tiếng kêu to lên rằng :

— Xin bệ-hạ truyền-chỉ cho đưa nàng về Côn-sơn, không nên để lưu lại khắc nào, có thương lụy đến thánh-đức.

Người kêu ấy là ai ? Là quan Lão-giám Ngô Tiều-Trung. Ngô vốn người cương trực, theo hầu vua Thái-Tổ đã lâu, thường lấy sự khó nhọc của Tiên-hoàng can ngăn vua những khi yến ẩm, quá vui. Thái-Tông và Hậu-phi thường yêu trọng Ngô. Nay thấy việc chương mắt trái tai nên gặt ngay đi. Nói đoạn Ngô quay lại mắng Lương-Dật rằng :

— Anh diu nàng đến đây làm gì ? Thiên-tử đi

duyet binh, hậu phi còn chẳng theo đi, nữa là vợ con thần-hạ!

Vua nghe lời nói phải, bảo Lương-Dật :

— Sao nhà ngươi lại để cho nàng đến tận đây? Đưa nàng về Côn-sơn ngay.

Lương Dật tâu :

— Đó là tự ý nàng theo đến đây, lão nô nào dám ép-dù. Bây giờ Lệnh-ngự cho nàng về cũng không tiện. Đây về Côn-sơn, nhanh cũng đến quá giờ sủu mới tới, canh khuya thân gái làm sao cho tiện. Hai quan hộ-giá đã bắt địa-phương quan dọn chỗ cho Nữ-học-sĩ yên nghỉ, nam nữ hữu biệt, lão-nô cam đoan không có sự gì phiền đến Sư-tướng sau này. Qua đêm nay, mai xin cất quân đưa về.

Ngô Tiều-Trung thấy thế, chắc là từ nay đến mai không thể xảy ra chuyện gì được, bèn lui ra trước bảo quân lính sắp kiệu, mai đầu giờ mao cho đem Thị-Lộ về Côn-sơn ngay.

Ngô lão-giám vừa lui ra, Lương-Dật lại cố rót rượu vua uống. Ngà ngà say, hứng làm thơ, nghe thơ, lại đến, vua bèn truyền hai quan nội các vào thị đọc.

Chỗ này là cái cơ-hội Lương-Dật tác-hợp cho vua đây. Vua truyền gọi hai quan Nội-các chứ

không nghĩ đến đòi ai nữa. Nhưng Lương-Dật gọi hai quan Nội-các vào rồi thừa lệnh cho nói với Thị-Lộ rằng có chỉ đòi vào họa thơ, hiện hai quan Nội-các đương đứng thị đọc.

Thị-Lộ thấy lính thị-vệ đến triệu, bưng nghĩ rằng : « Đêm hôm ta không vào chỗ vua trẻ ngâm thơ sau tiệc rượu làm gì. Ấu là ta chối rằng đi đường mắc bệnh hàn nhiệt mà lui đi là hơn. Nàng đã toan cho thị-nữ tâu lại thì lại nghĩ rằng : « Hoàng-gia với nhà công-thần chắc có khác các nhà thần tử khác, cứ xem lúc ban ngày, ở sơn-thữ vua lấy lễ đãi ta thì rõ. Vả lại, mình đã được phong làm Nữ-học-sĩ thì vào thị-đọc cũng được chứ sao ? Chỗ vua ngồi có các quan hộ-giá thị-đọc, thì cũng là chính đại quang minh chứ chẳng sao. Mình là người đàn-bà có học thức cũng phải cử chỉ khác, chứ có lẽ đầu then thò như các bà chúa cô chiêu trong buồng the kín mít. Vua bây giờ là người niên thiếu thông minh mà đã biết đến tài ta thì ấu cũng là một dịp cho ta phô tài với thiên hạ... »

Nghĩ thế bèn theo tiểu-giám vào hầu.

Đề Thị-Lộ chờ ngoài ngự-doanh, Lương Thái-giám vào tâu trước :

— Lễ-nghi Nữ-học-sĩ nghe các quan. Hiện đúng ngoại doanh chờ lệnh chỉ.

Vua cho vào.

Thị-Lộ sụp lạy tạ ân. Hai quan Các liếc mắt nhìn nhau ra bộ kinh-ngạc. Vua truyền cho Thị-Lộ ngồi hướng đông, hai quan Các ngồi ngoảnh mặt sang hướng tây, thay đổi nhau bình thơ vua và thơ cụ Ưc-Trai. Vua rộng cho phê-bình cả thơ vua. Đọc mỗi câu thơ hay, phê mỗi lời thú, vua tôi lại cùng uống một cốc rượu. Dãng ai mãi đến quá nửa đêm, vua tôi cùng nhọc, cùng say:

Nữ-học-sĩ bấy giờ người đẹp giọng hay, má lại hồng hồng sắc rượu, tiếng cười câu nói mười phần đáng yêu. Thơ đã hay, miệng đọc lại càng xinh; văn đã chuốt, vẽ người thêm nhã. Ngắm mãi như vậy, giật mình tỉnh lại, vua vội truyền :

— Thôi, đêm khuya rồi, các khanh hãy lui.

Hai quan Các ra trước.

Ra khỏi ngự-doanh, quan Các trẻ nói :

— Gia-quyển công-thần họ coi chỗ Ngự-tọa như thường vậy. Đêm khuya phụ-nữ dám tự-tiện xin vào thị-đọc, họ coi vua như bạn vậy.

— Họ coi quá bạn cũng có vì họ là bạn với ông vua sáng nghiệp kia mà.

— Bạn thế nào được, nghĩa vua tôi rành rành ra đó, bạn thế nào được!

.
. (Kiểm duyệt bỏ)
.

— Nhiều khi bọn công-thần cũng tự thủ họa...
Quan Các già toan đáp lại thì thấy lão-giám Ngô-tiêu-Trung đi qua, bèn thôi.

VII

Cái đêm hôm ấy đêm gì ?

Khi các quan vừa ra khỏi cửa phòng, Thị-Lộ cũng đứng dậy cáo từ. Vua đứng dậy lưng thưng đến gần Thị-Lộ bảo rằng :

— Sáng mai khanh về nói với Quốc-sư khi nào thư thả có thơ văn gì hay vào kinh cho trẫm được nghe. Trẫm cho được bất thần triều kiến...

Dằng-dai cho hai quan Các ra khỏi, vua nắm tay Nữ-học-sĩ mà rằng :

— Ta trọng Quốc-sư bao nhiêu thì ta yêu quý ái-khanh bấy nhiêu. Ái-khanh đừng lui vội, ta còn chút tâm-tình chưa giải với ái-khanh...

Thị-Lộ giãng tay ra mà rằng :

— Xin bệ-hạ tha tội cho thần-thiếp. Có đâu tiện-tý này dám phùng-ngheňh vào tội phi-lẽ như thế. Chuyện tâm-tình của thiên-tử, chỉ hậu-phi được biết, tiện-tý này đâu dám nghe. Xin bệ-hạ tha tội cho. Nếu bệ-hạ cứ mãi thế này, ơn đãi-ngộ công-thần vì thế mà đăm-bạc mất cả.

Vua nghe nói ra dáng bẽn lễn trở lại ngự-tọa. Bụng nghĩ rằng: « Ta chỉ sai lầm một chút mà đạo-nghĩa vua tôi thành ra không trọn vẹn. » Vua đương nghĩ vắn-vơ thì Lương-Dật đầy ngay Thị-Lộ vào ngự-tọa.

.
 (Kiểm duyệt bỏ)

Nàng cố giằng ra được, vợ ngay lấy thanh gươm chỗ ngự-tiền mà nói to lên rằng :

— Bệ-hạ truyền cho ông Lê Trãi lên lĩnh thi-thê thần-thiếp về.

Vua lùi lại Thị Lộ cầm gươm lăm lăm.

— Bệ-hạ không nghĩ đến đạo quân thần, thần-thiếp xin liềm chết để toàn đạo làm vua cho bệ-hạ, và đạo làm tôi, làm vợ của thần thiếp.

Vua Thái-Tổng giận lắm, nhưng lý-khuất chưa biết xử trí ra sao. Bụng nghĩ rằng: « Cái bực mình ta đêm nay, đổi vạn thặng không đầy được. »

Nghĩ đến đấy, máu nóng xông lên, quát to rằng :

— Công-tiền mà không đem tru-di ba họ được à? Gương Hàn, Bành (:) còn đó, mày có biết sợ không?

(1) Hàn-Tín, Bành-Việt.

Lại quay lại bảo Lương-Dật rằng:

— Mai tổng cồ giả lão ấy !

Giữa lúc ấy thì Ngô-tiêu-Trung vừa vào. Tiêu-Trung thấy vậy, bèn đến cạnh Thị-Lộ mà bảo rằng :

— Lệnh-ngự có cưỡng ép điều chi thì lấy lễ-nghĩa mà kêu xin, chứ trước mặt thiên-tử cầm gươm đao chi thế ?

Ngô lão-giám nói vậy, là sợ vua bức bách nàng quá hoặc sinh biến to chẳng. Ngờ đâu vua lại tưởng nhầm là Ngô đồ-danh hộ vua. Thị Lộ nghĩ đến câu gương Hàn, Bành vua vừa nói, giỡn tóc gáy, tự hỏi trong trí rằng :

« Vua đã trót bộc-lộ lòng dục ra thế này mà không được thỏa chắc thẹn lắm. Lão tu thành nộ (thẹn già thành giận). Cái giận của vị vạn-thặng nguy hiểm lắm. Đây ta quyết giữ chữ trinh, trinh thì trinh thật, nhưng sợ cho nhà Quốc-lão sau này. Muốn gia đấỵ lấy tội, há không có nhời buộc tội sao (1), Quốc-lão khó mà tránh khỏi, chữ trinh có biển có thương. Ta bằng khư khư giữ một tiết trinh mà để Quốc Lão không được

(1) Thị-Lộ dùng chữ Tả-truyện. Khi Tấn Huệ-Công giết Lý Khắc, Lý Khắc nói « Tôi không có tội, song muốn cho là có tội, thì thiếu gì lời buộc. » Đây Thị Lộ nói như dịch từng chữ Tả-truyện: « Dục gia chi dĩ tội, khĩ vô từ hồ. »

huyết thực (1) về sau, cái khổ nhà Quốc-Lão sau này, gấp mấy cái khổ của ta đêm nay.» Nghĩ vậy Thị-Lộ bèn hạ thanh gươm phục xuống lạy mà nói rằng :

— Trẫm lạy bệ-hạ, bệ-hạ đã rủ lòng thương đến tiện-tỳ này, tiện-tỳ này đâu dám tiếc thân, song chỉ xin bệ-hạ bảo toàn cho Quan-phục-hầu, dù có nhằm nhứt điều gì, xin bệ-hạ cũng vạ-xá vạ-hạu để lão-thần được yên thân nơi sơn thữ.

Vua nghe nói mừng lắm, mặt đương hầm hầm tối sầm như giờ mây phủ kín bống trời tỉnh ngay như cơn gió đông thổi mạnh quét quang mây mù, vừa cười vừa nói :

— Thật thế à ? Trẫm vừa nói rằng trẫm yêu quý Quốc-lão bao nhiêu càng thêm yêu quý ái-khanh bấy nhiêu, có chi mà sợ. Câu Hàn, Bành chẳng qua bốn ái-khanh chơi đồ mà thôi. Không sợ.

Lại quay lại bảo Lương-giám :

— Khanh rót cốc rượu thưởng Tiều-Trung trước đã, rồi đây rót rượu đề trẫm cùng Nữ-học-sĩ nói chuyện tâm-tinh... Còn công nhà người thủy chung việc này, phong hầu đã há chưa ? hay là muốn kim ngân châu báu gì nữa trẫm cũng cho.

(1) Được thờ cúng về sau là được huyết thực. Thị Lộ sợ ông Nguyễn Trãi bị giết ba họ, tuyệt tự về sau.

Lương-giám rót rượu, Tiều-Trung miễn cưỡng tạ ân rồi cúi xin lui ra xuống dinh túc trực. Khi ra gặp hai quan liền nói:

— Các ông đương cùng lệnh-ngự uống rượu ngâm thơ mà lại bỏ ra, hẳn có ý để chúa thượng dan-diu cùng Thị-Lộ, tội ấy sau các ông chắc có dự phần.

Hai quan Các nói:

— Đó là lệnh-ngự đuổi chúng tôi ra chứ nào chúng tôi dám có ý hãm quân-vương vào tội ác.

Ngô lão-giám kể chuyện lại rồi cùng hai quan Các cứ lắc đầu mãi, không dám bàn tán gì.

Ở trong Thị-Lộ đành chiều vua Thái-Tông, một bên là thiếu-niên thiên-tử, một bên là tuyệt thế giai-nhân, câu chuyện trước còn e-dè ngượng ngập, sau dần dần ý hợp tâm đầu. Thôi bấy giờ vua quên đạo vua, tôi quên đạo tôi. Vua Thái-Tông cũng quên mình là đấng chí-tôn vạn-thặng mà Thị-Lộ cũng quên bằng mất tri-kỷ đồng tâm.

Ngoảnh trông thấy Lương-giám đã lui, Thị-Lộ liền nắm tay vua mà rằng:

— Ngày mai đã là ngày vui thú của cung-phi ở Thăng-long, em buồn cho người lui thì một mình trở về sơn thất.

Vua giãi tay ra, giả cách nghiêm nét mặt mà nói rằng:

— Xin Nữ-học-sĩ đừng làm lỗi đạo vua tôi, hay là khinh gươm ta không sắc.

Thị-Lộ biết là vua vì đặc-chí quá, lấy câu của mình mà giỡn đùa, bèn cầm ngay lấy gươm, liếc mắt nhìn vua cười mà nói rằng :

— Thần-vũ bất sát, Bệ-hạ chẳng nữ nào. Song nếu chốn Quảng-bàn có rộng đường mây cũng xin một cánh cho Hằng-nga nấp bóng.

Vua cười sáng sặc mà rằng :

— Trăm đùa đó thôi... Khanh làm gì mà hằng làm vậy? Vừa nói vừa cầm tay đỡ gươm đặt xuống.

Cái đêm hôm ấy đêm gì ?

Bóng trắng lồng bóng trà-mi trập-trùng.

VIII

Vui quá quên về.

Sáng hôm sau vua nấn-ná chưa muốn về cung, truyền nghỉ lại Lệ-chi-viên một đêm nữa. Chiều hôm ấy có quân kỵ ở Thăng-long chạy đến đem phiếu của Tây-cung dâng. Vua xem xong đưa cho Thị-Lộ xem, rồi lại cười mà nói rằng:

— Thần-phi chỉ ghen bóng đó thôi. Đã không biết ái-khanh mà lại ngờ cho con hát.

Tối hôm ấy lại có cuộc vui suốt sáng trận cười thâu đêm.

Sáng hôm sau, vua hơi mệt, bỏ bữa ngự-thiện sáng. Quá trưa lại có quân kỵ mang phiếu của Tây-cung từ Thăng-long đến. Vua xem xong, đốt phiếu đi, ngồi lặng không nói gì rồi lui ra phòng nằm. Lương-giám cùng Thị-Lộ đoán phỏng là Thần-phi đã biết rõ sự tình, vua đương yếu lại thêm phải nghỉ nên vào phòng riêng yên nghỉ cho tĩnh. Thị-Lộ cho rằng: Đêm nay mua vui cùng ta thì bao nhiêu buồn cũng tan cả.

Các quan thị-tụng thấy vua mệt, vội bảo quan Ngự-y vào xem mạch. Quan Ngự-y xem mạch xong tâu rằng :

— Bệ-hạ bệnh cũng không nặng lắm. Có một điều là khi hoàn cung trong tuần nhật nên xa nữ sắc.

Quan Ngự-y nói rằng về cung nên xa nữ-sắc, có biết đâu rằng nữ-sắc ngay ở chỗ hành-doanh ! Thị-Lộ cùng các quan thì cho là quan Ngự-y có ý khuyến-giới vua mà không dám nói thẳng nên giả như không biết gì.

Đêm hôm ấy bệnh vua lại kịch thêm. Thị-Lộ ngồi hầu dưới ngự-sàng.

Vua chống tay ngồi dậy nói :

— Trẫm có mệnh-hệ nào mà việc này tiết lộ ra, chẳng kéo lại để di-lụy cho ái-khanh và nhà Quốc-lão. Đến cơ-sự này, thật là tự trẫm tác nghiệt.

Nói xong vua lại nằm xuống.

Giữa lúc ấy quan Ngự-y lại vào thăm bệnh.

Vua cầm lấy tay Ngự-y mà rằng :

— Việc diu nhị-cơ nhà Quan-phục-hầu tới đây là do ý thẳng Lương Dật, Trẫm bằng có ngăn phúc giới, về chốn triều-đường các khanh cũng nên im tiếng đi kéo lại hại lây đến Quốc-Lão.

Quan ngự-y tâu :

— Bệ-hạ đi duyệt-quân, chịu nhiều phong sương khó nhọc, bị cảm đã lâu nay lại mắc thêm bệnh mới, thần-hạ cũng lấy làm sợ. Song xin bệ-nạ cứ bình-tâm may ra cũng có cơ...

Vua lắc đầu lấy tay xua quan Ngự-y cùng Thị-Lộ ra. Thị-Lộ về chỗ riêng rồi, quan Ngự-y tìm hai quan Nội-các hỏi rằng :

— Chúa-thượng bị cảm hàn đã lâu, nay lại phạm nữ-sắc, bệnh khó lòng thuyên được, đêm hôm nay tôi lấy làm lo lắng... Các quan đi hộ giá mà không ngăn nổi vua, tôi sợ sau này có di-lụy đến việc Thị-Lộ, chúa thượng có phán tôi cùng các quan kín đi kéo có hại cho Quan-phục-hầu.

— Giấu kín thế nào được... Giấu kín thế có sợ chết không? Vua đi duyệt-binh, mình đi thị tụng, giữa đường vua chết, trước hết tội hãy ở bọn mình đã. Thần-phi là người trẻ tuổi thông minh cương quyết lắm... Tôi lo rằng hoàng-thượng mà mất ở đây thì anh em họ hàng chúng ta đều bị chết lây cả.

Quan Các trẻ tuổi thấy nói lái mét mặt đi, chân tay run lẩy-bẩy mà rằng :

— Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách... hay anh em mình bỏ trốn cả... may ra giữ được tấm thân tàn trong rừng rú...

Quan Ngự-y nói :

— Chạy đã chắc thoát à? Mà thoát nữa thì cha mẹ vợ con vứt đi hay sao?

Quan Các trẻ hỏi:

— Thế làm thế nào được? Chẳng nhẽ bỏ tay chịu chết à? Hay là về triều dâng sớ mao-cửu ngay...

Quan Các già vừa cười vừa nói:

— Lệnh-ngự đã mất đâu mà các ông sợ. Kể thoát thân, tôi đã sắp sẵn rồi, việc đến nơi rồi tôi khác bảo.

Đêm hôm ấy, — hôm mồng bốn tháng tám năm Đại-bảo thứ ba — đến đầu giờ Tuất vua phải kịch lên được hồi lâu thì mất. Tin truyền ra ngoài, quân quan lính tráng đều ngơ-ngác sợ hãi.

Lương-Dật cho tìm hai quan Các và quan Ngự-y đến họp bàn.

Trước khi đến họp cùng Lương-giám, hai quan Các và quan Ngự-y còn họp riêng bàn với nhau.

Quan Ngự-y nghiêm sắc mặt nói:

— Đi cùng vua, về nửa đường vua mất, bọn ta chết cả, các ông có kế gì vạn toàn không?

Quan Các già cười nhạt nói:

— Thần-phi còn trẻ, tính rất hay ghen. Ghen thì đàn bà ai chẳng có tính ấy, nhưng cái ghen của bà phi trẻ tuổi thông minh này gấp vạn cái

ghen của thường nhân. Ta gọi cái tình ghen ấy lên là đủ lấp bùng, không đủ sáng suốt mà xét rõ đầu đuôi được nữa. Lửa ghen ấy mà bùng lên thì chỉ có một mình nhà ông Ưc-Trai chịu vạ ; ta nhân thế mà thoát tội, Muốn như thế việc Thị-Lộ ta sẽ phò ra trước.

Quan Các trẻ tuổi :

— Quan-phục hầu đứng đầu hàng công-thần có lẽ lại vì một việc nhỏ thế mà bị sát lục hay sặc ? Có chết, chỉ chết một mình Thị-Lộ. Chết một mình Thị-Lộ đã đủ đền mạng vua chưa ?

Quan Các già nói :

— Còn chết cái người mưu mô việc này nữa chứ...

Quan Ngự-y nói :

— Kế ấy có lẽ cũng hay, nhưng ai là người dám về tâu sự-tình đầu đuôi ?

Quan Các già nói :.

— Lão người thiện chứ ai ? Ta lấy cái tình thế nguy hiểm ra dọa nó thì bảo gì mà chẳng phải nghe.

Bàn xong, bèn cho triệu Lương-Dật đến bảo rằng

— Anh có sợ tru-di ba họ không ?

Việc Thị-Lộ mưu-mô ở anh cả. Anh có chạy đàng giời cho thoát tội.

Lương-Dật nghe nói dờm-dờm nước mắt mà rằng:

— Chúng tôi là nội thần chỉ biết việc chiều ý vua. Có ngờ đâu xảy ra cơ sự đường này. Chúng tôi là bọn tiểu-nhân, nay gặp-gỡ cảnh này, xin các quan mở đường sống cho.

Quan Các già cười nhạt.

Bây giờ anh phải phi ngựa, cứ tâu như thế này. Khi về Kinh-sư sẽ có kế thiện-hậu khác. Anh cứ tâu đại khái rằng,

«Hoàng-thượng duyệt binh về tới Côn-sơn, Quốc-lão mang Thị-Lộ ra hầu và cho đi tòng giá tới Lệ-chi-viên. Hoàng-thượng vui thú cùng Thị-Lộ, quên không nhớ đến việc hồi-loan rồi lại đam mê nữ sắc, sinh ra đại bệnh thành ra thượng-tân.»

Đầu giờ tí, Lương-Dật và hai tên lính vũ-lâm phi ngựa về Thăng-long. Đêm hôm ấy là đêm hôm mồng 4 rạng ngày mồng 5 tháng tám. Dưới bóng trăng mờ, gió rừng thổi mạnh, ba con ngựa thẳng vó vượt vùng Kinh-bắc về Kinh-sư, mang tin sâu thẳm, rắc họa diệt-môn cho vị cứu quốc anh hùng.

IX

Máu ghen nữ chúa.

Tang tảng sớm hôm mồng năm, Lương-Dật vào bệ kiến Tây-cung vừa khóc vừa nói :

— Lão-nô xin cam chịu tội chết... Hoàng-thượng ngự-giá duyệt binh, cho lão nô đi hầu hạ sớm tối : khi đi có đủ vua tôi, khi về...

Thần-phi nghe chưa dứt câu lẫn ra khóc. Lương giám năm phủ phục dưới đất cũng khóc. Hồi lâu tỉnh dậy hỏi rằng :

— Làm sao ? Hoàng-thượng làm sao ? Sao mày lại trở về một mình ?

— Hoàng-thượng thăng-hà rồi (1).

— Bao giờ ?

— Muôn tau giờ tuất chập tối hôm qua.

— Bệnh gì ? Bệnh nữ sắc à ?

— Muôn tau bộ-hà, Hoàng-thượng đến thăm Quốc-lão ở Côn-sơn. Quốc-lão cho tiểu-thiếp là

(1) Vua mất là thăng-hà hoặc băng, chữ băng-hà là chữ dùng lầm-lẫn.

Thị-Lộ ra hầu, lại cho đi theo giá. Đến Lệ-chi viên, Hoàng-thượng nhân đã bị cảm mà lại gần nữ sắc nên mất chóng như thế. Lão-nô biết tội đã nhiều, mong bề-hạ soi xét.

Nghe dứt câu, thần-phi ngã lăn ra, bất tỉnh nhân sự.

Cung-nữ dlu vào nội-dinh đồ thuốc mãi đến chiều tối mới tỉnh. Tỉnh rồi nghĩ lại hết đầu đuôi, cân nhắc hết mọi lẽ, thâu đêm không ngủ, bụng bảo dạ rằng :

— Ta chỉ trông vào vua. Nay vua bất-hạnh sớm mất. Ta mới 19 tuổi đầu mà Thái-tử Bang-Cơ cũng mới đầy tuổi tột. Phỏng như triều thần họ lấy nghĩa «Quốc hữu trưởng quân» mà lấy hoàng huynh là Quốc-vương Tư-Tề vào kế đại-thống thì mẹ con ta hắt ra ngoài. Lại còn nỗi nguyên Thái-tử là Lạng-sơn-vương Nghi-Dân tuy đã bị phế, nhưng hãy còn kia ! Sau này lui thủ một mình lên ở sơn-lăng (1) còn sai bảo nổi ai nữa ? Mà chắc đâu đã được yên thân thủ-tiết ở sơn-lăng ? Bang-Cơ được dựng thì ta là Quốc-mẫu ; Bang-Cơ không được thì hơi thối tàn mẹ con ta cũng khó giữ được. Huống chi là... Cái hờn giận này ta không báo được thì dù có chết cũng khó mà nhắm mắt. Bọn công-thần này trí dũng kiêm

(1) Theo lễ : Vua mất, các phi-tần phải lên ở chỗ lăng. Đến con bị truất bỏ thì hoàng-hậu cũng ra ở đó.

toàn, ta phải làm ngay cho họ như bị sét đánh nhanh không kịp bịt tai mới được...

Sáng hôm sau, giờی chữa tan canh, bà truyền bắt Lương-Dật bỏ vào nhà tối; đòi quan Lưu-thủ, thu lấy binh-phù (1). Thu xong, cho bày binh khí ra chỗ điện-đình, đòi văn vũ bách quan phải đến khắp mặt.



Đến cửa Tử-cấm-thành, các quan ngự-ngác nhìn nhau, không ai hiểu vì cớ gì. Ông Thân-Nhân-Trung, tuổi trẻ, quan còn nhỏ nói rằng :

— Tôi e có việc Tư-mã Trọng-Đạt (2).

Một ông khác nói :

— Không phải, Thủy-hoa (3) ở ngoài chừng như có mưa gió chi đây. Hôm qua có tin đồn về rằng thánh-thể vi-hòa (4). Khéo chẳng mà... giữa đường vua thắng hà cũng nên. Thần-phi lại sợ ngôi của trù-quân (5) không vững. Phi là bực « nữ trung Nghiêu Thuấn », sợ bọn công-thần khó giá ngự (6) nên mới vội vàng như thế này.

(1) Ẩn tín đề dùng binh.

(2) Chỉ về việc Tư-mã Ý lừa bắt Tào-Sảng ở đời Tam-Quốc.

(3) Cờ vua đi tuần-hành ở ngoài.

(4) Vua yếu.

(5) Hoàng Thái-tử dự bị làm vua.

(6) Đè nén sai khiến.

Lúc đó quan Thái-úy Trịnh-Khả cũng vừa tới. Ông Thân-Nhân-Trung đem lời nói trên thuật lại. Trịnh Thái-úy gật đầu :

— Lão-phu cũng nghĩ như vậy.

— Thế có nên vào không, thưa Thái-úy ?

— Cứ vào chứ. Thế nào cũng phải chiều các đại-thần Vạn nhất có sự gì ở ngoài thì Tây-cung, lão-phu xem cũng là tương-chứng (1) đó, các ông giúp vào có lo gì.

Khi các quan vào đông đủ đứng dưới đàn-trì, (2) Thần-phi truyền các quan thượng điện. Các quan thượng điện thấy bà đứng cạnh ngai rồng bên Thái-tử Bang-Cơ. Dơm dóm nước mắt, hậu nói :

— Ngự doanh ở ngoài mấy hôm nay ra sao, các quan có biết không ?

Các quan chưa kịp tâu lại, bà chỉ Lương-Dật bị trôi ở dưới bể rồng :

— Các quan hỏi tên này thì rõ !

Lương-giám vừa khóc vừa kể xong chuyện.

Thần-phi khóc òa lên, các quan sợ hãi không ai dám nói gì.

Một lúc phi nói :

— Việc này vị tất đã phải Quốc-lão gây nên.

(1) Giống nhà tướng.

(2) Sân trước điện nhà vua.

Trong bọn nội-giám thị-tụng có đưa mưu mô diu dắt Thị-Lộ tới. Mà vị tất đã là Thị-Lộ thật hay bọn nó lại lấy đứa con gái nào vào hầu vua. Đến khi nỡ xảy ra đại biến chúng cho đứa con gái ấy chạy thoát mà đồ riết cho Thị-Lộ...

Ngồi một lúc phi lại nói:

— Nước không nên một ngày không vua. Bây giờ các quan hãy nên tôn trừ-quân (tay Thần-phi trở Thái-tử Bang-Cơ ngồi trên ngai) lên nối đại thống.

Bọn ông Lê-Khả, Lê-Xí (1) đồng thanh nói :

— Bệ-hạ nói chí phải.

Ngày hôm ấy Thái-tử Bang-Cơ lên ngôi. Theo chiếu Thái-Tông Hoàng-thái-hậu, năm sau lấy năm Đại-Bảo thứ tư làm niên-hiệu Thái-Hòa năm đầu.

Hoàng-thái-hậu cho tìm ông Ưc-Trai. Cung giám vừa ra khỏi hoàng thành năm, sáu dặm đã thấy ông theo tử-cung Đại-Hành Hoàng-đế về kinh.

Thị-Lộ cùng theo vào tự nhận tội.

Lão-giám Ngô Tiều-Trung trông thấy Thị-Lộ mừng rằng :

— Con yêu-hồ kia, mày định đi đâu ?

(1) Hai ông đều được «tứ-quốc-tính» cả.

— Tôi định vào cung tự nhận tội và biện-bạch oan tình. Đây tôi đã có biểu khiếu oan. Tôi kể rõ việc thăng Lương-Dật diu tôi đến Lệ-chi-viên cùng đánh lừa tôi vào thị-độc thi. Vừa nói đến đây thì một ngục quan đem cũi ra bắt Thị-Lộ đem vào cung trước.

Ông Nguyễn-Trãi vào triều. Thái-hậu hỏi rằng :

— Bầy tôi giết vua tội gì ?

— Tru di tam ộc.

Thái-hậu thét lên rằng :

— Ông cho hầu non vào hầu tiên-đế rồi tiên-đế mắc ngược-tật chết ở giữa đường, tội giết vua có ở ông không ?

— Tôi không định tâm cho Thị-Lộ ra hầu tiên-đế. Đó là tự tiên-đế đòi ra...

Chưa kịp nói hết câu thì Thái-hậu đã thét lính vũ-lâm lôi ông Ưc-Trai giam vào ngục, đợi sau này xét xử.

X

Người hóa rắn

Thị-Lộ bị giam trong nội-diện, cũi có khóa và dán niêm đánh dấu quan Đại-lý tự-khanh. Mỗi lần bưng cơm nước vào đều qua tay quan giám-ngục là ông Lê-Xí. Ông nguyên là khai-quốc công-thần, bây giờ đã làm đến chức Nhập-nội Đô-đốc. Ông sở dĩ tự xin vào giám-ngục là sợ ngục tình điên đảo mà ông Lê-Trãi mắc tiếng oan chẳng.

Trong hai đêm liền, ông không thấy sự gì khác.

Đến hôm thứ ba

Từ chập tối đến nửa đêm, vẫn không có gì lạ.

Tùng, tùng,... đập ;... tùng, tùng,... đập;... tiếng trống canh, các điểm gọi, tiếng quân kỵ tuần thành vẫn theo một dịp nghiêm khắc như thường.

Trống vừa đổi giờ tí sang giờ Sửu, thấy tiếng lục đục cạnh cũi, ông tuốt thanh gươm chạy vào thấy con hầu (khỉ) chạy quanh đó. Ông giơ gươm đuổi theo thì con hầu chạy vào trong xó tối. Ông loan đuổi nữa nhưng bỏ cũi Thị-Lộ không canh

sợ người nhân giây phút ông bỏ vắng, mà tháo cũi cho Thị-Lộ thoát thân chẳng. Vả lại đêm hôm khuya khoắt, cũng chẳng nên vào mãi trong Nội làm gì, Tra gươm vào vỏ, ông vào chỗ cũ. Ông vừa về ngồi chưa kịp miếng giầu thì lại thấy tiếng lính tráng kêu ồn ào rối rít :

— Đánh được rồi !... Chết rồi !...

Ông cầm gươm chạy ra thì thấy dưới bờ hè có con vật đen sù nằm sóng sượt. Đến gần, bóng giăng chiếu thẳng vào, ông trông rõ là con hầu nằm giãy chết, máu me đầm đìa cả ba bức hè.

Lính bẩm :

— Chúng con ngồi ở ngoài, thấy con sơn-quái chạy qua, bèn đuổi đánh chết.

Ông không nói gì, lại quay về chỗ cũ, nhìn lại cũi Thị-Lộ vẫn thấy phủ kín như trước, dấu niêm còn nguyên.

Ông ngồi nghĩ một mình rằng :

« Hầu vào chỗ tối là hôn-đức-hầu, diềm này ứng vào trong kim chi ngọc diệp, có ai sắp làm sự gì bao-nghịch chẳng ? song đã giết được thì cũng chẳng hề chi... »

Nghĩ vớ-vẩn một lúc thì giờ vừa sáng, ông bèn về biệt-phủ nghỉ. Ông về được một lát thì có bài chỉ trong nội truyền mang tù ra đình-cúc (1).

(1) Đem ra chỗ triều đình tra xét.

Quan Ngự-lâm Đô-đốc đưa quan Đại-lý-lự vào mở cũi.

Quan Ngự-lâm vào trước, vừa vén màn cũi lên, bỗng thất kinh mà nói rằng :

— Các ông trông vào đây này ! con quái gì thế này.

Quan Đại-lý nhìn vào thấy một con rắn quấn khúc nằm trong cũi :

— Lại có việc lạ đến thế này nữa ! Như thế này thì ta phải vào tàu Thái-hậu đã.

Hai người cùng vào tàu Thái-hậu.

Lương-Dật đứng bên cạnh nói rằng :

— Bệ-hạ còn lạ gì việc này. Nguyễn-Trãi biết hết Lục-nhâm đại-độn, thái-ất số-thuật cùng các ngoại-thuật, thế nào họ cũng truyền cho vợ con họ. Người mà hóa rắn được thì không gươm giáo cũng thế thì nghịch được.

Ông Ưc-Trai đã được vua Lê Thái-tổ cho Quốc-tính. Cả nước ai cũng gọi là Quan-phục-hầu, hoặc Quốc-sư, Quốc-lão, cả từ vua chúa cũng vậy.

Ngô-Tiêu-Trung gạt ngay đi rằng :

— Muôn tâu : việc này nghiêu-khê lắm. Một là con rắn này vào ăn thịt Thị-Lộ rồi nằm ở đây. Hai là có ai thù ghét gì nhà sư-tướng thừa cơ bắt người đi mà bỏ rắn vào đây. Xin Thái-hậu xét lại cho kỹ kéo oan nhà lão-tướng.

Thái-hậu nói :

— Rắn to hơn khe cũi, chui thế nào vào được. Mà cũi ở trong cung có quan Đô-đốc Lê-Xí coi thì ai có bắt người bỏ rắn vào được ?

Nói xong, Thái-hậu truyền đem cũi Thị-Lộ để trước điện đình, vải phủ và niêm vẫn y như cũ, để đợi giờ các quan vào châu.

Ông Lê-Xí vào châu. Thái-hậu hỏi :

— Hôm qua khanh có thấy sự gì khác không ?

— Đêm qua lúc cuối giờ tí sang đầu giờ sửu, lão-thần nghe tiếng động bên cũi, trông ra thấy con sơn-quái (1). Lão-thần lấy gươm đuổi theo nhưng nó chạy vào chỗ tối, lão-thần lại thôi. Sau quân Ngự-lâm đuổi giết được, lão-thần có ra xem. Đó cũng là hồng-phúc của hoàng-gia, chứ không có cái điềm hôn-đức-bầu cũng khá lo

— Rồi khanh có trở lại cũi không ?

— Tâu có, vẫn thấy vải trùm kín như cũ.

— Thôi!... yêu tinh trăm biển...

Khanh đến mà xem trong cũi kia kia... (quay lại bảo quan Ngự-lâm).

— Mở cũi ra cho tướng-quân xem.

Quân Ngự-lâm vâng lệnh vén màn vải che cũi lên. Ông Lê-Xí vốn là vũ-thần, trí-dũng kiêm

(1) Trước mặt người trên không dám dùng tiếng khỉ bầu, nên nói tránh là sơn-quái.

toàn dù thấy sự gì lạ cũng vẫn dĩnh-đắc không rối trí, thế mà cũi vừa mở ra ông cũng phải rùng mình kinh sợ. Đứng im nghĩ-ngợi một lát, ông đến cũi kêu to lên rằng :

— Ông Ưc-Trai bị xích-tộc rồi ! .,

Người mà là rản... Rản đâu mà hóa người được mà lấy cung.

Dơ dớn nước mắt ông quì xuống mà tâu rằng :

— Xin Thái-hậu tra cho ra việc này. Ai bỏ rản này vào đây tức là người ấy phản nghịch.

Thái-hậu nói :

— Lão tướng-quân tự xin vào giam-ngục, ai bỏ vào chắc tướng-quân biết đó !

— Lão-thần thất cơ một tí mà hại đến bậc công-thần. Lúc lão-thần theo bọn Ngự-lâm ra xem con sơn-quái, tiểu-nhân có thể thừa cơ làm bậy, đem rản thay người được.

— Thị-Lộ nó không có mồm à ?... Thôi ! đừng che-chở cho nhau nữa.

Ông Lê-Xi thấy Thái-hậu còn giận-dữ quá, đành phải lùi ra không dám nói gì nữa.

XI

Muru lũ gian-quyệt

Độc-giả còn nhớ rằng Lương-Dật đêm hôm về Thăng-Long bị giam ngay. Hắn bị giam đến sáng mồng sáu hăn được tha.

Số là Thái-hậu đem giam hăn, nhưng vì muốn tò mò biết chuyện ở Lệ-chi-viên, nên sáng hôm mồng sáu lại cho gọi hăn lên điện hỏi chuyện.

— Đại-hành Hoàng-đế khi đến Côn-sơn, duyên do làm sao mà lại biết Thị-Lộ?

— Muôn tâu, lão-nô dám biết đấy vào đâu. Thị-Lộ là vợ lẽ Quốc-sư, đưa hoạn-quan như lão-nô mà dám biết đến ! Vua cùng Sư-tướng nói chuyện, câu chuyện ấy khi nào đưa lính đứng hầu như lão-nô lại dám dự biết.

— Tiên-hoàng có đau yếu gì không ?

— Tâu không. Đến Lệ-chi-viên một đêm bệnh mới phát rồi băng ngay. Lão-nô phỏng có tội gì mà Thái-hậu bắt giam. Oan khổ cho lão-nô lắm, xin Thái-hậu nghĩ lại.

Thái-hậu nghĩ một lúc rồi nói :

— Thôi, tha cho.

Lương-Dật dập đầu lạy tạ rồi xin lui ra.

Ngay chiều hôm ấy ở trong một vườn hoa trước viện Hàn-lâm có cuộc hội nghị bí mật bốn người. Bốn người đều có can thiệp đến việc Lệ-chi-viên cả. Dưới bóng trăng nhận ra là hai quan Các, quan Ngự-y và Lương-Dật.

Quan Các già. — Các ông tính thế nào ? Hay là cùng treo ấn từ quan cả ?

Quan Các trẻ. — Từ mà được ! Từ xuống âm-phủ thì thoát !...

Quan Các già. — Thị-Lộ phải tội đã đành. Nhưng nó cứ thực khai ra thì chết cả lũ. Đây này, các ông nghe cho rõ : Thị-Lộ thì nghịch bị lăng trì xử tử. Lũ chúng ta mắc vào tội : «Biết gian mà không báo trước, cùng thủ-phạm cùng chịu tội.»

Quan Các trẻ. — Bị ghép vào tội đồng mưu cũng có.

Quan Ngự-y. — Làm sao bịt được mồm con Thị-Lộ lại ?

Quan Các già — Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng ai bịt được mồm nó Nó phải nói để tránh tội chứ.

Quan Các trẻ. — Làm sao giết được nó đi. Kế ấy là kế vạn toàn hơn cả.

Quan Các già. — Giết !... Nói mới dễ chứ ! Ai

vào ngực mà giết được nó? Ai bịt được mắt ông Đô-đốc Xí?

Lương-Dật.— Tôi ở luôn trong cung. Để tôi xem có dịp nào không.

Quan Các già cười khanh khách :

— Chừng độ mai kia là cùng thì mang tù ra đình-cúc, anh còn chàng màng chờ dịp. Việc phải làm ngay đêm nay, chầy ra là đêm mai.

Ngẫm nghĩ một hồi lâu, quan Các già thung dung nói :

— Chỉ cốt làm thế nào cho án này mờ mịt, không ai gỡ ra mối nữa. Có chỉ hại một nhà Quan phục-hầu thôi. Có phải chẳng các ông? Muốn cho án này mờ mịt, thượng sách là bịt mồm con Thị-Lộ lại. Muốn bịt mồm nó lại tất phải giết nó đi. Muốn giết nó đi thì phải thông với lão đội Ngự-lâm canh ngục để lấy niêm và khóa cũi.

Lương-Dật vội hỏi : Còn lão Lê-Xí, đêm không rời cũi Thị-Lộ ra khắc nào thì làm thế nào được?

Quan Các già.— Dỡ lão ra ngoài nửa khắc thôi.

Lương-Dật.— Lấy gì mà dỡ lão được?

Quan Các già.— Các ông xuân quá, chẳng chịu nghĩ ngợi gì cả, chỉ một lối hỏi vặn hoài.

Quan Ngự-y.— Chúng tôi chẳng biết làm thế nào cả.

Quan Các già.— Mưu này thì Khổng-Minh sống lại cũng phải chịu là tài. Nhà anh Lương-Dật có nuôi con hầu khôn lắm, sai bảo thế nào được thế, phải không ?

Lương-Dật. — Có, nhưng sao anh biết ?

Quan Các già.— Cứ hỏi lần thần mãi... Đêm mai đem thả con hầu, ta thừa cơ mở khóa cũi.

Quan Các trẻ.— Rồi giết con Thị-Lộ đi !...

Quan Các già.— Giết ngay thế nào được ! Nó kêu lên thì oan gia cả. Mở cũi ra rồi giả rằng có mệnh Thai-hậu triệu, bắt Thị-Lộ phải theo ngay. Ta đưa nó ra cái giếng đằng sau hữu vu đầy xuống lấp đá lên trên, thế là ổn. Cái giếng ấy lâu nay bỏ rơi, chẳng ai nhìn đến ma sợ.

Quan Ngự-y.— Kè hay lắm. Nhưng sao lại để đêm mai. Ngay đêm nay không được à ?

Quan Các già.— Chia khóa cũi đâu ? Niêm cũi mở ra, ai lại dán lại cho ? Ngày mai anh Lương-Dật, anh phải làm thế nào thông được với anh đội Ngự-lâm canh ngục và với quan niêm ngục để đổi dấu niêm.

Vào đầu giờ tí, bốn người cùng trở ra, ai về nhà nấy ; Lương-giám cùng quan Các già về cùng một lối, đến cửa cung Nhân-thọ, hai người chia tay. Lương Dật về nhà nằm nghĩ, nghĩ vợ vẫn mãi không ngủ được. Hốt nhiên có tiếng động

manh sau vườn, Lương-giám chạy ra nhìn cái cũi nghĩ-ngợi vừa nghĩ vừa nói :

— Hay lắm.

Dem con Thị-Lộ ra giết đi, thế thì cái cũi không thì sao? Triều-thần họ biết là Thị-Lộ trốn được thì họ phải lòng cho ra, khéo chẳng may mà mưu lão Các kia lại vỡ? Mình làm thế này thì thật thần xuất quỷ nhập.

Độc-giả chắc cũng đoán ra cái vật chứa trong cũi này.

Nguyên khi vua Thái-Tông đi duyệt binh về, cùng Lương-giám vào rừng săn bắn. Vua Thái-Tông thấy con rắn trắng vừa lột xong, truyền bắt đem về cung chơi, nhưng cấm không cho hậu-phi biết, sợ hại đến sự thai giáo (1). Tới Lệ-chi-viên, vua bị ngược-tật mất, cũi rắn ấy sau khiêng về nhà Thái-giám Lương-Đật.

(1) Đàn bà có mang phải giữ cái cảm-giác cho lành để không hại cái thai, gọi là thai giáo

XII

Bài thơ tuyệt mệnh

Ông Lê-Trãi bị giam trong ngục đã được mười hôm, tuyệt nhiên không có tin tức gì ở ngoài vào.

Ông lâm-bầm nói một mình :

« Chìm nổi hơn 50 năm trong đời tục-lụy, chết cũng nên đời, còn tiếc gì cái thân vứt bỏ.

« Nào tuổi Côn-sơn, nào duyên tri-kỷ, thôi từ nay ta phụ tình xưa.

« Hồi xưa Thái-Tổ, ta đã bị hạ ngục một lần cùng ông Phạm-văn-Xảo, rồi mà ta thoát, ông đi. Khi đó ta đã lầm tưởng là cái kiếp Văn-Chứng Hàn-Tín; ta thoát, ngờ đâu lại có việc này, Thôi thực là số ta như thế, còn định trốn đi đâu ?

Ông lại cầm bút viết một bài thơ vào tờ giấy trắng dán lên tường :

Thơ rằng :

Phù-tục thắng trăm ngũ thập niên
 Cổ sản toàn thạch phụ tình duyên
 Hư danh thật họa thù kham liễu
 Chúng báng cô trung tuyệt khả liên
 Số hữu nan đào trị thị mệnh
 Văn như vi táng dã quan thiên
 Ngục trung độc bối không tao nhục
 Kim khuyết hà do đạt thốn tiên ?

Liễn nôm :

Nỗi chìm lên xuống mấy mươi đông,
 Núi cũ tình xưa xiết phụ lòng
 Họa thật, danh hờ, coi lạ chữa ?
 Chúng ghen mình thắng, đáng thương không?
 Văn bằng chưa mất trông trời vậy.
 Số tránh không xong biết mệnh cùng.
 Vì có tổ oan càng tổ nhục
 Tờ tiên ai đạt đến muôn trùng.

Sáng hôm thứ mười — tức là ngày 16 tháng tám năm nhâm-tuất, niên hiệu Đại-bảo thứ ba — Ông Lê-Xí và hình-quan vào ngục đưa cho ông ba hộp phong lụa trắng.

Ông Lê-Trãi nắm lấy tay ông Lê-Xí hỏi :

— Tôi bị diệt tộc phải không ông?

Ông Lê-Xí dưng dưng nước mắt mà không nói.

Ông Lê-Trãi nói :

— Ông khóc mà không nói, thế là tôi phải chết. Chao ôi! tôi có tội tình gì? Công mười năm truy tùy khuya sớm theo đức Thái-Tổ bằng thừa cả! Hay là tôi vì nghĩa lớn trót hại sinh linh nhiều mà nay nhà tôi phải đền mạng.

Ông Lê-Xí cùng hình-quan lui ra mà không nói gì. Cửa ngục khép lại, ông Ưc-Trai lần lượt mở ba hộp ra xem. Hộp thứ nhất dài, trong để một thanh gươm, hộp thứ nhì tròn trong để một chén thuốc độc, hộp thứ ba vuông trong để một tấm lụa dài...

NGUYỄN TRIEU-LUẬT

THIỆP CHÀNG ĐÔI NGÀ

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT



THIỆP CHÀNG ĐÔI NGÀ

I

Lễ ăn thờ.

Trong cuốn tiểu-thuyết « Nhà thờ Thánh Mẫu Ba-lê » (Notre-Dame de Paris) của Victor Hugo, có một thiên đề là « Cái này sau diệt cái kia » (Ceci tuera cela). Cái này, là Hugo chỉ nghề in ; cái kia, Hugo chỉ đèn đài, lăng, miếu, cung, điện, nhà cửa thời cổ, tức là những dấu vết của người xưa để lại. Chưa có nghề in thì những nhà cửa điện đài ấy dùng để ghi lịch-sử, những dấu vết ấy tức là bộ sử bằng đá gồ gạch cho vạn đời về sau. Có nghề in rồi, nghề in thịnh-hành rồi, thì bút-sử sẽ thay cái lối chép sử bằng đá gạch. Công-nhân dựng những nền kiến-trúc vĩ-đại, có lẽ cũng có ý tự chép sử những công nghiệp của mình. Sau này, nghề ấn-loát càng truyền-bá thì nghề kiến-trúc càng có vẻ tạm-thì. Tóm lại, nghề ấn-loát này, quyền sách này, sau đây sẽ diệt nghề kiến-trúc kia, những lâu đài kia.

Ừ mà, những Kim-tự-tháp kia chẳng phải là bộ sử của Cồ Ai-cập đó ư ? Cái thành dài Vạn-lý kia chẳng phải bộ sử của Tần Thủy Hoàng-đế đó ư ?

Về chỗ này, nước ta thật kém.

Chẳng nói chi đến thượng-cổ-sử, cứ nói ngay thì-đại gần đây, nay còn dấu vết những gì ? Đâu là cung vua Lê ? Đâu là phủ chúa Trịnh ? Muốn tìm cổ-chỉ thành Thăng-long thì tìm đâu ra mầu đá cũ ? Chùa đền to như đền An-dương-vương ở Cồ-loa, miếu thánh Khổng ở Hà-nội, tương-truyền vẫn cho là cổ-vật, nhưng trải qua mấy độ tang thương, mấy lần trùng-tu, chắc đâu còn nguyên như cũ ? Lại kia miếu lăng vua Hùng trên đỉnh Hùng-sơn thì loè-loẹt mấy ngôi nhà mới xây được vài chục năm nay.

Mỗi khi ta đứng trước một nơi danh tích nào thường gọi là cổ, ta phải dùng toàn trí tưởng tượng để hình-dung dấu cổ người xưa. Vì thế cho nên, trừ hạng thượng-lưu trí-thức ra, dân-gian không vì đâu có được những quan-niệm chất-phác và hùng-vĩ về sử cả. Dân Cao-mên có đón hèn ra nữa thì đứng trước lầu Angkor họ cũng lý-hội thô-sơ được cái hùng-vĩ rực-rỡ của tiền-nhân họ. Đứng trước mấy ngôi đền lúp-súp, tầm-thường ở Kiếp-bạc, dân vô-học ta có nhìn sao cho phảng-phất được một đôi phần cái võ-công đệ-nhất của nước ta hồi nhà Trần,

có trông ông Trần-quốc-Tuấn sao cho ra ngoài hết thấy những trò dị-đoan mê-tín ô-uế khả bỉ. Cái quan-niệm « đức thánh Trần », nghĩa là cái quan niệm ông thần trừ tà, thiếu một ngôi đền hùng vĩ, vẫn còn mãi ở đất nước này để mĩa mai anh-linh người đã qua.

Đó là vì dân ta sớm có văn-hóa mà những lối ghi sử bằng gỗ đá chẳng? Không phải. Nếu sớm có văn-hóa thì đã chẳng đến nỗi nghìn năm học mượn viết nhờ rồi kết cục chỉ được ông thầy ban cho câu: « sĩ đại phu thích ngâm vịnh; tuy đốt chẳng thành câu mà vẫn hí-hung mãn mãi ! »

.

. (Kiểm duyệt bỏ)

.

Câu của Victor Hugo, muốn cho đúng ở nước ta thì chữ « ceci » (cái này) phải dùng để chỉ cái tâm-lý
 phát biểu từ cái hành-vi tinh-thần đến cái hành-vi vật-chất của mỗi đồng-bào ta.

.
 (Kiểm duyệt bỏ)

Một hôm, trứ-giả đây cùng với một người bạn dao chơi quanh Hồ Tây. Qua đường Cổ-ngư lên đến cửa Ô Yên-phụ, đi đến làng Nhật-tân thì giẽ vào con đường đi chợ Bưởi. Đường này đi vòng, bọc suốt hạt huyện Hoàn-long, từ Nhật-tân qua chợ Bưởi, cầu Giấy, làng Láng, Ngã-tư Sở, Ngã-tư Trung-Hiền, đến làng Vĩnh-tuy thì nhập vào đê Hồng-hà. Đường ấy đắp lên cổ-chỉ thành Đại-la, người Pháp gọi là Đường Bọc tròn (Route Circulaire), lấy nghĩa rằng đi vòng một lượt bọc huyện Hoàn-long và các vùng cửa ô thành-phố.

Chúng tôi tuy nói rằng đi quanh hồ, mà nhiều chỗ chẳng thấy hồ đâu cả. Trên con đường Nhật-tân đi chợ Bưởi, hai người vừa đi vừa đàm đạo về mấy cái ý-ngĩ vừa nói trên kia. Khỏi làng Bái-ân đã trông thấy đồn An-thái.

— Làng này hồi Cổ-Lê là một phường trong ba mươi sáu phường của thành Thăng-long. Ở thôn đông phường An-thái tương truyền có miếu thần Đồng-cổ. Ta thử vào xem, xem có còn di tích gì không?

— Có gì mà xem! Ở ta, trăm cái đền giống nhau cả một trăm, nghìn cái miếu cùng lột một khuôn cả. Cho Lẩn là nơi cổ-lịch đi nữa thì cái

danh cổ-tích ấy cũng chỉ có trên sách vở và miệng lưỡi thiên-hạ, chứ thật ra chẳng có gì cổ cả. Mà cho hẳn là vật cổ từ xưa còn lại đi nữa thì cũng chẳng có gì khác với cái mới làm gần đây. Cái nhà tôi ở ấy, làm từ năm nhâm-dần niên hiệu Thiệu-trị thứ hai, tính ra tới nay đã được ngót trăm năm, dễ thường lại không cổ hơn chán vạn đền chùa vẫn có tiếng là cổ chắc!

— Nhà anh cổ thì cổ nhưng nó vẫn là cái nhà riêng. Có quý nữa cũng chỉ quý cho nhà anh mà thôi!

— Nhưng nó là cái nhà cổ thật chứ không giống như những đền, miếu cổ giả.

— Vẫn hay rằng thế, nhưng ta cũng có thể dựa vào đó mà tưởng-tượng đến người xưa việc cổ; chẳng hơn là không có tí gì để tư-tưởng bám vào ư? Cái bụng sùng-cổ, tấm lòng nhớ xưa bao giờ cũng nấu ở những nơi cổ-tích, dầu là cổ-tích giả cũng được. Cũng như lòng tín-ngưỡng Thượng-Đế phần nhiều vì cái cảnh-hu-tịch những giáo-đường gây nên.

— Thì miếu Đồng-cổ thôn đông phường An-Thái có sự-tích gì lạ? Mà miếu ấy gây cho anh những cảm-tình gì? Nhắc lại cho anh chuyện gì về cổ?

— Chuyện một đôi vợ chồng đời nhà Hồ.

— Miếu Đồng-cổ có quan hệ gì đến nhà Hồ?

Miếu ấy đời nhà Lý là chỗ hội-hợp các quan uống máu ăn thề. Các quan đời Lý họp nhau uống máu ăn thề ở đền Đồng-cổ có dính dáng gì đến nhà Hồ? Hay là đi quanh hồ, anh nghĩ đến nhà Hồ?

— Thế thì anh không rõ. Nguyên lúc vua Thái-Tông nhà Lý mới lên ngôi, bị bọn em làm loạn toan cướp ngôi. Sau loạn ấy dẹp xong. Vì sự phản-ngịch ấy, Lý Thái-Tông mới lập lệ cứ hằng năm các quan phải đến đền Đồng-cổ uống máu ăn thề. Lời thề rằng : « Làm con không hiếu, làm tôi không trung, thần minh tru-diệt ». Sau thành cái tục quen. Đến lúc nhà Trần nổi lên, cũng làm theo như thế. Mỗi năm đến ngày hội ăn thề, dân gian trai gái đi xem rút đông, cho là một ngày hội vui vẻ. Một cái tục, nguyên lai có tính-cách chính-trị, sau biến thành một trò vui...

Đến hồi cuối Trần, Hồ-quí-Ly dời đô vào Tây-đô. Lễ ăn thề họp một ngôi đền trên Đốn-sơn, một quả núi ở làng Cao-mật, huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh-hóa bây giờ. Họp lần cuối cùng vào năm kỷ mao, niên hiệu Kiến-tân thứ hai đời vua Trần Thiếu-Đế. Lần ấy lễ ăn thề lại có vẻ chính-trị.

— À ra thế, ... Tôi lại cứ tưởng anh ở bên cạnh hồ Tây mà liên-tướng đến nhà Hồ.

— Cũng có liên tướng nữa. Đi cạnh hồ, tôi nghĩ đến câu đồng-dao.

Chàng về hồ thiệp cũng về hồ.

Chàng về Hồ-Hán, thiệp về Hồ-Táy.

— Anh lầm bét rồi ! Câu đồng-dao ấy tôi nhớ, Nó là câu hát vè của lũ chị hàng xén làng Tây-hồ. Cả bài thế này :

Chàng về, thiệp cũng xin về,

Chàng về Hồ-bắc, thiệp về Hồ-táy.

Chàng bao nhiêu tuổi năm nay ?

Chàng rầy mười tám thiệp rầy bốn ba.

Mồ cha đưa ché thiệp già,

Thiệp còn gánh nổi một và trăm kim.

Trăm kim đổi lấy lạng vàng,

Mua gương Tư-Mã, thiệp chàng soi chung.

Chàng về sắm sửa loan phòng,

Thiệp xin điếm phấn tó hồng thiệp theo.

Làng Tây-hồ làm nghề hàng xén, anh biết và nhớ cho ! Đó là câu vè người ta giễu cái chị hàng xén đã già rồi mà còn phong tình... Người ta nói rằng: « đeo kính xanh trông cảnh vật hóa xanh », quả không sai. Anh mê cái món lịch-sử trông cái gì cũng có màu lịch sử cả. Anh đến đổi cả phong dao đi cho hợp màu lịch-sử thì quá lắm.

— Tôi không lầm đâu. Chuyện sau đây chứng rằng câu đồng-dao như tôi nhớ mới là đúng.

Muru trừu họ Hồ

Năm trăm bốn mươi năm trước đây.

Năm ấy là năm kỷ-mão, niên-hiệu Kiến-Tân thứ hai đời vua Trần Thiếu-Đế, lịch tây vào năm 1399,

Khi ấy, cơ-nghiệp nhà Trần đồ nát hẳn rồi. Tuy rằng còn ông vua lên ba đó, nhưng quyền-hành thì ở cả Hồ-Quý-Ly.

Muốn cho việc cướp quyền dễ-dàng hơn, Quý-Ly xây thành Tây-Giai, rồi quốc-đô về đó, gọi là Tây-Đô.

Ở xóm Cửa-Bắc thành Tây-Giai có một tòa nhà, không to-tát lắm, nhưng cũng không nhỏ lắm. Chữ đúng nhất để gọi tòa nhà ấy là hai chữ : nền-nếp. Nó là một tòa nhà gạch kiểu đại-khoa cổ, mái hiên đằng trước, tường bít đằng sau. Nó là hai cái cột đồng-trụ hai đầu hồi, trên đắp hai con sấu bằng sứ. Nó là một cái « sân-vườn-hoa »

trước nhà, sân lát đá núi HỒ-Tôn có bồn trồng cây hoa đủ thứ : hai gốc bạch-hải-đường chổ giáp dần hoa thiên-lý hai gốc hải-đường đỏ mọc áp chiếc bình-phong bằng gạch xây lối cuốn-thư để che con mắt kẻ qua đường nhòm vào trong sân, trong nhà. Nó là hai dãy hành-lang chạy theo nhà chính, ba tòa nhà ôm lấy cái sân theo lối kiến-trúc chữ « môn » 門. Nó là bao nhiêu câu đối hoành-phi mà chữ chữ đều khoe cái thể cảnh vàng lá ngọc của tổ -tiên chủ-nhân.

Ngoài cổng, người ta thấy khắc vào tấm đá trên khuôn cửa mấy chữ lượt vàng thiếp đã long-lở : Văn-Huệ-Vương Phủ Đệ 文惠王府第. Người bấy giờ thường gọi là « Phủ Văn » Phủ Văn trước kia là phủ-đệ, bấy giờ là nhà thờ một vị thân-vương nhà Trần.

Một hôm, về đầu tháng năm, vào khoảng cuối giờ thân. Trong sân Phủ Văn, một chàng thiếu-niên đương đứng dưới gốc hải-đường ngắm mấy dò lan tứ-thời mới nở. Ngày độ ấy dài nên tuy đã cuối giờ thân mà cả một góc trời phía tây hãy còn đỏ hắt ráng chiều. Ngắm lan chán, chàng lại đi bách bộ quanh sân, vừa đi vừa lầm-bầm :

— Vui vẻ lắm đó tiệc với tùng ! Lão ta thật mình không hiểu bụng dạ ra làm sao nữa ! Vui vẻ nổi gì mà ăn sinh-nhật !

Lắng tai nghe, xa-xa có tiếng pháo nổ.

Chàng mỉm cười một cách chua-chát :

— Pháo nổ mừng sinh-nhật đó, Rõ thật là đồ không ruột ! Lão không mời mình là phải...Mà cũng phúc cho mình nữa,.. Càng khỏi phải nói những câu chúc sáo ngượng mồm, nghe những tiếng mừng bần tai, trông những trò « hú nhiên tự lạc » (1) bần mắt. Trời tối dần. Ráng đỏ phía tây xuống màu tím. Chàng sắp vào thì lạch-cạch có tiếng gõ cửa, tiếng gõ rụt-dè như người có điều gì bí-mật, hoặc như người chưa chắc-chắn là hỏi đúng nhà nên phải dè-dặt.

— Ai đó, cứ vào !

Một tên tiểu-dồng vào :

— Thưa, đây có phải là nhà công-tử Trần Tử-Tang không ?

— Phải, mà chính là ta đây. Con hỏi gì ?

— Thái-Bảo có thư cho công-tử đây.

Vừa nói tên tiểu-dồng vừa rút trong bọc ra một phong thư đưa cho chàng. Xem xong thư chàng bảo tên tiểu-dồng :

— Con về thưa lại cùng quan Thái-Bảo rằng trắng lên ta xin sang hầu.

(1) Đú đờn mừng lão.

Đưa tiểu đồng ra khỏi, một người thiếu-phụ ở trên hành-lang ra sân hỏi chàng :

— Quan Thái-Bảo viết thư nói việc gì vậy ?

— Nhân lễ sinh-nhật, chắc ngài lại triệu sang cho uống rượu.

— Tôi chắc có việc gì khác nữa.

— Việc gì khác ! Ăn với uống thôi chứ còn việc gì khác nữa !

— Lễ sinh-nhật thì ăn uống đã suốt từ sáng đến giờ rồi. Nay gần tối Thái-Bảo mới cho triệu, tôi chắc có việc gì khác.

Chỉnh đốn xong khăn áo, Đông-Du ra đi. Trước khi ra cửa, chàng nói với Văn-Trúc :

— Hiền thê cứ ở nhà, đề tôi sang xem sao. Có việc gì khác thì tối về khác biết.

Thái-Bảo tức là Trần Nguyên-Hãng là một vị quan to trong họ nhà Trần, đối với Trần Đông-Du, người thiếu-niên chủ cái Phủ Văn, là họ đồng-tông. Cha mất sớm, Đông-Du chỉ còn mẹ già ngoại năm mươi tuổi. Đông-Du mới 22 tuổi và mới lấy vợ được hai năm. Vợ chàng, Trịnh Văn-Trúc là con một ông nhà nho bạn thân với cha Đông-Du. Vì cái tình bằng-hữu ấy nên Văn-

Trúc dẫu người hàn-tộc (1) cũng được làm dâu họ nhà vua. Vợ chồng Đông-Du vẫn có tiếng lệ tương kính như tân (2) Đông-Du thấy cơ-nghiệp nhà Trần đồ nát, thường vẫn lấy làm phân-uất, nhưng hiềm vì chỗ nào cũng là nanh vuốt của Quý-Ly cả, lại thêm nỗi giữa thì-buổi ấy chẳng thể rõ buug ai ngay ai queo, nên chàng chỉ biết bực tức một mình chứ không dám tỏ cho ai biết. Văn-Trúc là người thông-minh, xét cữ chỉ nói năng, đoán được ý chồng, nhưng thấy Đông-Du kín đáo cũng không dám hỏi. Hôm nay nhân việc Trần Nguyên-Hãng cho gọi, nàng liền thử gọi hỏi để dò ý chồng

Đến nơi, Nguyên-Hãng mời vào nhà trong Đông-Du, vào đã nhìn thấy : Thượng-Tướng-Quân Trần Khát-Chân ngồi ở chiếc sập giữa nhà. Đông-Du chấp tay vái chào. Liếc trông sang hai chiếc trường-kỷ gian bên có dăm sáu người khác nữa. Chuyên xong một lượt chè. Khát Chân nói :

— Hôm nay nhân trời sáng trăng, mời quan Thái-Bảo cùng các ông sang chơi bên tôi. Ta

(1) Đời Trần, bao nhiêu họ ngoài họ vua đều gọi là hàn-tộc 寒族. Theo phép nhà Trần họ nhà vua không lấy người hàn-tộc.

(2) Cùng kính nhau như khách,

ngồi lầu cao ngắm trăng uống rượu có lẽ thú hơn.

Trên mặt Đông-Du, người ta thoáng thấy một vẻ khó chịu. Vẻ ấy, người nào biết rõ Đông-Du đều nhận ra : nó là một nét dãn ở môi, làm cho cái miệng nửa như bĩu, nửa như cười. Nguyên-Hãng là người nhận thấy đầu tiên. Ông lại cố trêu Đông-Du :

— Ta sang chứ ? Thử dạ duy khả đàm phong nguyệt... (1).

Đông-Du « vâng » một tiếng dài.

Mọi người theo bóng trăng sang nhà Trần Khát-Chân. Lên trên lầu Vọng-Nguyệt. mọi người ngồi cả, Nguyên-Hãng đứng lên nói bằng một giọng quả-quyết :

— Quốc-tặc Lê Quý-Ly ngày nay một tay chuyên việc nước, trên thì vua, dưới hại dân. các ông nghĩ thế nào ?

Mọi người đưa mắt nhìn nhau. Khát-Chân nói :

— Chúng tôi đều muốn trừ hãn, hiềm vì cửa có dịp.

Nguyên-Hãng nói :

— Dịp có rồi ! Các ông sáp huyết tuyên-thệ, tôi xin nói.

(1) Đêm nay chỉ có thể nói chuyện gió trăng mà thôi.

Nguyên Hăng vừa nói dứt lời thì dưới lầu đã bùng lên mâm huyết. Nguyên-Hăng múc một chén uống rồi tuyên thệ rằng :

— Nguyên-Hăng thề giết quốc-tặc Lê Quí-Ly. Ở chẳng như lời, nguyện quỷ thần tru diệt !

Lần lượt hơn trăm người ăn thề uống máu. Trong số ấy, Đông-Du nhận ra có :

Thượng-Tướng-Quân Trần Khát-Chân, Tru-Quốc Trần Nhật-Đôn, Thượng-Thư Hà Đức-Lân, Hành-khiển Lương Nguyên-Bru, Xa-ky Tướng-Quân Phạm Khả-Vĩnh, cùng Phạm Ông-Thiện, Phạm Tô-Thu, Phạm Ngưu-Tất... Uống máu ăn thề xong, Trần Đông-Du nói :

— Việc làm phải cho cần-mật. Phạm Mãnh, Chu Bình-Khuê bị giết ở Hoa-Châu năm Tân-Vị, Trần Nhật-Chương bị giết năm nhâm-thân. Trần Nguyên-Uyên, Trần Nguyên-Dận bị giết năm ất-hợi cũng chỉ vì không kín-đáo mà thôi. Tiền xa khả giám. (1)

Nguyên-Hăng nói :

-- Ta tưởng cũng kín đáo đó chứ. Lòng sôi lên như châu mà một giờ trước đây chưa biết gì cả.

(1) Xe trước nên lấy làm gương 前车可鑑 Tục-ngữ Tàu có câu ; Xe trước đổ, xe sau nên trông đó mà tự răn.

Tệ hơn, có lẽ suốt ngày hôm nay thấy ta yếm-
âm, cháu đã thỏa-mạ nhiều lần !

Đông-Du phục xuống ôm chân Nguyên-Hãng :

— Cháu thật đặc tội cùng thúc-phụ. Cháu trẻ
người non dạ, thúc-phụ cũng đại-xá cho.

Nguyên-Hãng đỡ Đông-Du dậy.

Phạm Nguru-Tất hỏi :

— Quan Thái bảo nói là dịp đã có, chẳng hay
là dịp nào ?

— Rằm tháng này có lễ ấn-thề ở Đốn-sơn.
Quốc-tặc thề nào cũng đến xem. Ta sẽ lừa hấn
lên lầu này đứng xem lễ rồi khi đó, một người
thích-khách... Ai muốn làm Kinh-kha hôm ấy nào?

Trần Đông-Du, Phạm Nguru-Tất, Phạm Tồ-Thu
cùng đứng dậy nói :

— Tôi xin cáng đáng việc ấy.

Nguyên-Hãng nói :

— Có đến ba Kinh-Kha thì việc tất phải thành.
Thôi, trời đã khuya, xin các ông ai về nhà nấy.
Đúng ngày rằm, xin lại họp ở đây.

Mọi người xin vâng rồi cứ vài người một, dần
dần giải-tán. Hôm ấy là hôm mồng mười tháng
năm, năm Kiến-Tân thứ hai đời vua Trần
Thiếu-Đế.



Năm hôm sau, ngày hội-minh đã tới.

Từ sáng sớm, quanh núi Đốn-sơn đã thấy tinh kỳ đỏ chói. Người lớn trẻ con lũ-lược đi xem hội ăn thề. Lễ hội-minh có đã 370 năm nay. Lần đầu, năm nay, mới họp ở Đốn-sơn nên dân mấy lộ Hoài, Hoan, Ái, rủ nhau đến xem đông lắm.

Trong nhà Thượng-Tướng-Quân Trần Khát-Chân cũng tập-nập những người. Quân-Sĩ khảo chuyện cùng nhau :

— Hôm nay sao nhà Thượng-Tướng-quân nhiều lính-tráng thế ? Sao mà cờ-quạt nghi-tiết bày la-liệt ra lắm thế ? Có lẽ hoàng-thượng ngự giá đến hôm nay chắc ?

— Kim-Thượng tuổi mới lên bốn thì đã ngự-gia ngự-nộm đi đâu nữa ! Đây chắc là Thượng-Tướng-Quân bày ra để tiếp đức Phụ-Chính Thái-Sư.

Tên lính thứ nhất nói :

— Có lẽ...Song anh đọc chưa hết lòng minh-tinh đức Thái-Sư. Để tôi đọc cho anh nghe : Đức Phụ-Chính Thái-Sư, Bình-Chương Quân-Quốc-Trọng-Sự, Tuyên-Trung, Vệ Quốc Đại-Vương !

Tên lính thứ hai nói.

— Anh này hỗn thật, dám giấu đức Thái-Sư!
Anh có sợ mất chỗ đội nón không ?

— Tôi nào dám riếu. Đó là tôi kính-trọng đức Thái-Sư. Tôi còn quên một duệ-hiệu nữa : *Phụ-Chính Cai-Giáo Hoàng-Đế Quốc-Tổ Chương-Hoàng...*

— Anh muốn theo lữ Bùi Mộng-Hoa, Trần Nhật-Chương chắc ?

— Thôi, thôi, tôi phải vào phủ có việc, không rồi hơi mà nói rông mãi với anh...

Nói xong tên lính thứ nhất chạy vào phủ-đệ.
Tên lính thứ hai nhìn theo :

— Nghĩ là gì ! Chỉ mạnh-bạo xằng !

.

Dưới chân lầu Vọng-Nguyệt, hai người võ-sĩ nói chuyện.

— Anh Trần Đông-Du đâu ?

— Anh ta ốm nặng.

— Ốm thật hay ốm giả ? Hay lại sợ vạ mà giả ốm ?

— Không phải. Anh ta ốm thật. Hôm qua tôi đến chơi thấy ốm mệt-mệt, nói mê nói sảng. Nói

sảng mà nói những điều oan-gia cả, vợ cứ phải lấy tay bịt miệng lại.

— Thế thì thôi. Đáng tiếc cho anh ta thật.

— Ba trảng-sĩ thiếu một...Điềm gỡ, anh ạ.

— Anh này mới đàn-bà chứ ! Hay anh có sợ thì về nốt đi ! Một mình tôi cũng đủ.

— Sống chết có nhau, khi nào lại thế !

— Đã thế thì cứ vui-vẻ đi chứ ?

Hai người cùng cười.

Người thứ nhất là Phạm Ngưu-Tất, người thứ hai là Phạm Tồ-Thu.

.

Giờ tị.

Vắng nghe đằng xa có tiếng kèn trống bát âm. Đoàn quân tiền hô hậu ủng của Phụ-Chính Thái-Sư đã gần tới. Trước dàn chín lá cờ Thủy, Hỏa-Mộc, Kim, Thổ, Long, Li, Qui, Phượng, xếp hàng ba từ-từ tiến bước. Rồi bát bửu, lộ-bộ. Trước xe ngồi lá cờ Chu-Tước, hai bên xe hai lá cờ Thanh-Long, Bạch-Hồ, đằng sau xe lá cờ Huyền-Vũ, Xe tám ngựa kéo, mui lợp vàng, trên cắm lá cờ vàng con. Trước xe cắm phỉ việt, cờ tiết-mao. Quí-Ly, ngồi trong xe che bốn lọng vàng, mình mặc áo gấm màu vàng-nhợt (tức là màu bờ-

hoàng), thêu chín con rồng. Đạo cò quạt đến cửa phủ-đệ Thượng Tướng - Quân. Trần-Nguyên-Hãng, Trần Khát-Chân mặc mũ áo ra tận cửa đón vào. Quí-Ly xuống xe cùng vệ-sĩ vào phủ, đi giữa hai hàng quân gươm tuốt sáng lòe. Nguyên Hãng, Khát-Chân chấp tay đi theo sau. Tới chân lầu, Nguyên-Hãng mời :

— Rước Thái-Sư lên lầu xem lễ.

Quí-Ly quay lại cười bảo vệ-sĩ :

— Các người giải giáp xuống nghỉ dưới hành lang. Ta ở đây cùng quan Thái-Bảo cũng như ở nhà, không cần phải vũ-sĩ đứng hầu. Ta lên lầu uống rượu cùng quan Thái-Bảo và Thượng-Tướng-Quân. Đây không phải nhà công-tử Quang nước Ngô, ta không phải Ngô-vương-Liêu, làm gì có Chuyên-Chư (1) mà sợ.

Nói xong, y quay lại bảo Nguyên-Hãng và Khát-Chân bằng một cái giọng đặc thể và tự-đắc kiêu ngạo :

— Phải chăng ? hai ông ?

Nguyên-Hãng cũng cười.

1) Đời Xuân-Thu, công-tử Quang nước Ngô mời Ngô-Vương Liêu đến nhà ăn tiệc rồi cho thích khách là Chuyên-Chư đâm chết.

Khát-Chân nói :

— Xin rước Thái-Sư cùng quan Thái-Bảo lên lầu. Tôi xin ở dưới xếp đặt quân sĩ rồi sẽ lên sau
 Quý-Ly và Nguyên-Hãng lên lầu.

.

Dưới lầu, một người võ-sĩ nghiêng răng cười gằn :

— Đây làm gì có Chuyên Chư !

Nói xong trừng mắt nhìn lên lầu, rồi lại liếc mắt nhìn một người võ-sĩ khác. Người kia khẽ gật đầu rồi cùng liến đến chân thang, toan lên lầu, Khát-Chân trừng mắt nhìn ra hiệu rằng chưa nên rồi ra đứng chặn dưới bậc thang.

Bằng ấy cử chỉ lọt vào mắt một người thứ tư nữa. Người ấy vội đến chân thang lên lầu. Người này, Nguyên-Hãng không dám ngăn vì là người nhà thân-tín của Quý-Ly. Lên tới lầu, người ấy nói với Quý-Ly.

— Xin Thái-sư kíp về. Có biến ở cung Nhân-Thọ.

Quý-Ly thấy dáng điệu hốt-hoảng của người kia, vội đứng dậy cáo từ về. Võ-sĩ lại mặc áo giáp cầm gươm theo hầu ra xe. Nguyên-Hãng,

Khát-Chân tiến ra tận cửa. Hai người võ-sĩ chực lên lầu lúc nãy quăng gươm xuống đất, nói :

— Chỉ chết uổng cả lũ thôi.. !

Nói xong giận dỗi bỏ ra về.

Ở ngoài Đồn-sơn trăm quan tụ-hợp, mới làm lễ cáo thiên-địa xong, chưa kịp thề, thấy Quí-Ly về, lấy làm lạ, cũng bỏ ra về cả.

III

Cái vạ dây dưa

Nơi hậu-đường cung Nhân-Thọ.

Quý-Ly đương ngồi ngẫm-nghĩ lan-man.

Kẻ Đạo-sĩ là Nguyễn-Khánh vào hầu, hỏi :

— Hôm nay Thái-Sư đến nhà Trần Khát-Chân có thấy gì lạ không ?

Quý-Ly đáp :

— Khi ngồi trên lầu, ta thấy hơi chờn-chợn như có gì khác ý. Giữa lúc ấy thì người lên, nói là có biến ở nhà, ta liền xuống ngay. Người có nghe thấy gì, trông thấy gì không ?

Nguyễn-Khánh thuật lại những điều mắt trông thấy buổi sáng rồi nói :

— Thái-Sư không rõ gì à ? Bọn họ định giết Thái-Sư sáng hôm nay. Chỉ vì Trần Khát-Chân hơi rút-rát, rút-dè một chút chứ không thì thích-khách lên lầu trước con rồi.

— Bọn chúng có những đứa nào ?

— Đông lắm. Nhưng đại-khái đứng đầu có Trần Nguyên-Hãng, Trần Khát-Chân, Trần Nhật-Đôn, Phạm Khả-Vĩnh, Hà Đức-Lân, Lương Nguyễn-Buru, Phạm Ông-Thiện, Phạm Tổ-Thu, Phạm Ngưu-Tất. Tổ-Thu, Ngưu Tất là thích-khách. Thái-Sư cứ cho bắt hết rồi tra Phạm-Khả-Vĩnh là ra hết vì nó là đứa phản-trắc. Trước kia hắn đã giết vua Thuận-Tông ở quán Ngọc-Thanh nay lại theo bọn Nguyên-Hãng hại Thái-Sư.

.
Ở đằng trước núi Hồ-Tôn, ngay sát cạnh lối bên đông, có một khu nhà tựa vào sườn núi. Một cái nhà gỗ năm gian làm tựa vào sườn núi, một cái sân đất trồng hoa, một cái nhà con làm bếp, một lối hàng rào ruối rừng, một cái cổng mái tre, cửa gỗ, đó là tất cả khu-vũ. Người chủ nhà ấy là một người trẻ tuổi không vợ con, không cha mẹ gì cả. Một đứa tiểu-đồng kiêm cả việc kiếm củi lẫn việc nấu-nướng, đó là hết thầy nhân-dính trong nhà. Chủ-nhân thường hay đi vắng, khi lên tận đèo Eo-Lả săn hổ, khi xuống tận Báo-Sơn tìm sâm.

Ngày tối hôm hội-thề ở Đốn-Sơn, nhà ấy có ba người khách là Phạm-Tổ-Thu, Phạm-ông-Thiện và Lương Nguyễn-Buru cùng chủ nhà là Phạm-Ngưu-Tất đương ngồi đàm đạo.

Tổ-Thu nói :

— Tôi vẫn biết mà ! Cái thằng Trần Khát-Chân dính vào đâu là hỏng việc đấy ! Chỉ được cái tiếng sướng là con cháu Bảo-Nghĩa-Vương (1). Cuối năm kỷ-ty, quân Chế Bồng-Nga đến Hoàng-Giang, Thượng-Hoàng sai nó đi đánh giặc mà nó khóc như mưa, phỏng còn có dũng khí gì nữa ! May sao chó ngáp phải ruồi, đến tháng giêng năm ngọ Chế-Bồng-Nga bị đưa phản-thần lam bại, bị chết trận, nên thằng Kuát-Chân mới khỏi chết và được công chứ không thì cũng chết ngấm rồi. Phen này thì được làm ma nước Nam, giống như ông tổ !

Lương Nguyên-Bru nói :

— Như thế nào được Bảo-Nghĩa-Vương ! Bảo-Nghĩa-Vương sát thân thành nhân, Khát-Chân thì chỉ là thằng rât và dại, chết oan chết-uổng.

Ngưu-Tất nói :

— Nó đã rât như thế thì cứ ngồi yên có được không ? Ai ép làm ?

Tồ-Thu nói :

— Khốn như danh-nghĩa nó bắt làm ! Không làm không nghe được. Mà làm thì lại muốn chắc-chắn, lúc nào cũng muốn cầm đằng chuôi, không dám mạo-hiêm.

Phạm-Ông-Thiện cười :

(1) Tức Trần Bình-Trọng.

— Đó cũng là cách bắt cá hai tay. Phen này thì được bắt cá hai tay ! Việc tất bại-lộ, chúng ta chết đến nơi cả. Chỉ nghĩ thương cho quan Thái-Bảo.

Ngư-Tất đập ghế :

— Chết mới sống thì cần gì ! Tôi chỉ tiếc tay không được đâm chết thẳng giặc hại nước !

Vừa nói đến đó thì hình như hưởng-ứng với tiếng đập ghế của Ngư-Tất, ngoài cổng cũng có tiếng đập cửa thật mạnh.

— Đó là lính đến bắt chúng ta đó ! Mở cửa ra, thẳng tiêu-dòng !

Một loáng, đầy sân gương tuốt sáng lòa, đầu trâu mặt ngựa chập nhà, dứa nào dứa ấy mặt đầy sát-khí. Trong giây phút cả bốn người đều bị trôi lạt cánh khỉ, một dây giải về cung Nhân-Thọ.

Dưới trăm ngọn bạch lạp, Quí-Ly vẫn ngồi chờ.

— Bọn kia ! Tao với chúng mày có thù gì mà chúng mày định hại tao ?

Ngư-Tất mắng :

— Mày là thẳng giặc nước, ai không muốn giết mày ! Chúng tao định giết mày là vì tông-miếu xã-tắc, chứ có thêm thù riêng gì mày !

Quí-Ly cười :

— Tông-miếu xã-tắc can thiệp gì đến chúng

mày ? Tông-miêu xã-tắc chẳng vì chúng mày mà
vững cũng chẳng vì tao mà đổ nát. Ai xui chúng
mày làm càn ?

Bốn miệng cùng một lời :

— Giời bảo chúng tao giết mày !

Quý-Ly biết rằng có hỏi nữa cũng vô-ích chỉ
phải nghe thêm nhiều câu chửi rủa nữa mà
thôi, liền thét lính lôi đi, giam mỗi người một
nơi, giao cho Chính-Hình-Viện Đại-Phu là Hoàng
Hối-Khanh tra xét. Kế đó lại cho bắt Thượng-
Thư Hà Đức-Lân, Xạ-Kỵ-Tướng-quân Phạm Khả-
Vĩnh, Tru Quốc Trần Nhật-Đôn và thân-thuộc
liều tá cả thấy 370 người đem tống vào ngục.

Trong bọn người bị bắt, Quý-Ly biết đích
Phạm Ngu-Tất là tay thích-khách nên khiến
hình-quan tra hỏi kỹ lắm. Qua bấy kỳ tẩn, Ngu-
Tất vẫn nhất-định không chịu nói năng gì.

.

Mười hôm sau, Lê Quý-Ly cho mời Trần Nguyên
Hãng và Trần Khát-Chân đến cung Nhân-Thọ.
Uống tàn ấm chè, Quý-Ly hỏi :

— Hai ông xem quốc-sự bây giờ thế nào ?

Khát-Chân đáp :

— Bây giờ trên chúa-thượng còn ít tuổi, quân
quốc-trọng-sự ở cả 1 hái-sư thì thiên-hạ còn phải
lo gì nữa. Phương nam Chế-bồng-Nga đã chết,
giặc Chiêm cũng yên. Trong nước thì trên dưới

một lòng, quân thần đồng đức, quốc-sự có việc gì lạ nữa.

Quý-Ly cười gằn :

— Giá hôm hội-minh ở Đốn-son mà tôi chậm xuống lâu thì hẳn thiên-hạ có việc lạ nhỉ? Mà nay cũng sắp có việc lạ đó. Hai ông cứ ngồi chơi, tôi cho xem một việc lạ.

Nói xong, Quý-Ly vẫy tay một cái. Hai tên lính dẫn một người tay mang xiềng, đầu đeo một cái vòng sắt. Ra tới trước mặt Quý-Ly, người ấy nói :

— Cho ta ngồi đã, rồi muốn làm gì thì làm.

Quý-Ly sai bắc ghế cho người ấy ngồi dưới thềm, rồi hỏi Nguyên-Hãng, Khát-Chân :

— Hai ông có biết thằng này không?

Khát-Chân nói :

— Hẳn là Phạm-nguru-Tất. Chẳng hay mắc tội gì?

Quý-Ly cười :

— Rồi hai ông khác biết!

Quay lại Nguru-Tất.

— Ai xui mày làm điều bất nghĩa?

Nguru-Tất trừng mắt nhìn Quý-Ly:

— Việc tao làm quang-minh chính-đại, chỉ nhân chí nghĩa, không gọi là bất-ngĩa được! Giời xui tao giết đũa nghịch tặc!

Quý-Ly sai lính thiết đai sắt trên đầu chặt lại,

ba mũi đánh ở đai thắt chặt vào đầu, một mũi cắm vào giữa trán, hai mũi cắm vào sau hai thái-dương. Ngưu-Tất cắn chặt môi, mặt tím ngắt. Một lúc, kêu :

— Hãy cởi trói cho ta một chút, rồi ta nói.

Quý-Ly sai tháo xiềng tay. Ngưu-Tất lấy tay xoay đai cho đánh rạch thịt để máu chảy ra cho đỡ đau. Lúc bị tấn: nếu máu ứa được, người ngất đi, đỡ khổ hơn cứ để hãm máu. Mặt mũi đầm đìa những máu. Ngưu-Tất ngất đi, ngã gục xuống trước hè. Trên thềm, Trần-nguyên-Hãng trông thấy động tâm, cầm cả cái khay nước quăng vào mặt Quý-Ly:

— Việc này chủ-trương ở tao cả. Mày xả tao ra làm trăm mảnh, đừng hại dũng-sĩ như thế!

Nguyên-Hãng nói dứt tiếng, bị vệ-sĩ trói ngay. Quý Ly bảo vệ sĩ giam cả hai người vào ngục. Giữa lúc Nguyên-Hãng và Khát-Chân bị vệ-sĩ lôi đi thì Ngưu-Tất cũng vừa tỉnh. Thấy thế, y kêu lên :

— Chính tao cầm gươm toan giết mày! Mày giết một mình tao là đủ, đừng hại đến người vô tội.

Quý-Ly biết là đề lâu nữa chỉ bị chửi rửa thêm thôi, nên lại cho lôi Ngưu-Tất vào ngục và đêm hôm ấy bảo Hình-quan sáng mai mang hết cả hơn 370 người ra pháp-trường chém. Trần

nguyên-Hãng, Trần-khát-chân vì là quan tó trong triều nên được tự-tử trong ngục.

Sáng hôm sau, ra pháp-trường, Trần-nhật-Đôn, Phạm-khả-Vĩnh, Hà-đức-Lân, Lương nguyên-Buru, Phạm-ông-Thiện, Phạm-lỗ-Thu, Phạm-nguu-Tất người nào người ấy đều có vết sẹo lằn ở chân tay mặt mũi. Thì ra trong lúc bị giam ai cũng bị tấn cả. Ngưu-Tất đau nặng nhất, đi phải có người đỡ. Trông thấy nhau, cả bọn cùng cười. Cười chán rồi chửi rửa cho đến khi bị lưỡi phạng phạt vào cổ.

Từ giờ mảo đến giờ thìn, hơn 70 người vừa đàn-ông vừa đàn-bà vừa người già vừa trẻ con, thành hơn 370 cái thây không đầu nằm trên vũng máu.

IV

Sáu năm sau

Nhà Hồ thay nhà Trần đã được sáu năm.

Đến nay đã là năm Ất-dậu, niên-hiệu Khai-đại năm thứ ba đời Hồ-hán-Thượng.

Một buổi sáng tháng chín, cuối mùa thu.

Trần-đông-Du vừa ở nhà xã-quan về, coi bộ tươi cười vui vẻ.

Vui vẻ nổi gì? Cùng thuyền đi, khi đắm sống lại một mình, còn gì mà vui? Mưu việc cùng người, lúc lưới vạ trùm đến, riêng mình được thoát ra ngoài, sung-sướng nổi gì? Sống thừa sống nhục, đeo-dắt đến ngày nay, vạ lớn không trừ nổi, cam tâm đội chung trời với kẻ thù nước, thù nhà, người như thế mà còn vui vẻ được thì lòng có lẽ là gỗ đá.

Vui vẻ nổi gì? Chính người bạn trăm năm, đồng-tâm đồng chí với Đông-Du là Trịnh Văn-Trúc cũng không hiểu được. Từ ngày nhà Trần mất, đêm ngày vợ chồng vẫn buồn bã. Hốt nhiên

mấy hôm nay thấy Đông-Du ra dáng có việc gì phải nghĩ ngợi lắm. Lại hốt nhiên sáng hôm nay ở nhà xã-quan về, đôi hăn dáng điệu, mặt mày tươi tỉnh, gánh sầu chất nặng trong sáu năm nay như một ngày cất nhẹ. Văn-Trúc không thể sao hiểu được. Thấy lạ, nàng hỏi chồng :

— Từ ngày xảy ra việc nghĩa-cử ở Đốn-sơn, lang-quân may thoát ra ngoài số mấy trăm liệt-sĩ, từ ngày ấy đêm ngày lang-quân vẫn buồn bã. Chẳng hay hôm nay có việc gì lạ mà tôi thấy lang-quân có vẻ vui mừng làm vậy. Hay là lang-quân đã trông thấy cơ hội nào hay chăng ?

Đông-Du cười đáp :

— Phải, cơ-hội hay sắp tới... Nhưng ví phỏng tôi phải chết ở chiến-trường thì hiền-thê có vui được không ?

— Sao lại không vui được ? Tôi thường vẫn nói với lang quân rằng : ví ngày nghĩa-cử ở Đốn sơn lang-quân không mắc bệnh mà vướng vào lưới tội-tình, thì tôi làm vợ hóa một người liệt-sĩ cũng lấy làm vui.

— Hóa mà vui à ?

— Hóa thì không vui, nhưng có điều này vui. Lang-quân ví nghĩa chết ngày nào thì tôi cũng làm vợ người liệt-sĩ mà chết theo. Chết theo người chồng liệt-sĩ, cái ấy vui hơn sống nhục... Nhưng cơ-hội hay lang-quân vừa nói là cơ-hội gì thế ? Thật tôi đàn bà không thể sao đoán được.

— Tôi theo họ Hồ.

Văn-Trúc nghe hết bốn tiếng trên, nghĩ là Đông-Du nói bốn. Nhưng không! Nhìn mặt chồng, Văn-Trúc thấy nét mặt rứt nghiêm-nghị. Nghe giọng nói lại có vẻ quả-quyết lắm. Nghĩ một lúc, Văn-Trúc nói,

— Đó là lang-quân giả theo đề chờ cơ-hội tuyết-hạ đó chứ gì?

— Tôi theo thật chứ không theo giả.

— Lang-quân nói lẩn rồi!...

— Không. Tôi chưa đầy ba mươi tuổi, đã lẩn thế nào! Hiền-thê lấy làm lạ lắm hay sao?

— Tôi nghe như lời nói một người mê sáng.

— Tôi vẫn tỉnh.

— Lang-quân thật không nói bốn? thật không nói lẩn? thật không mê sáng?

— Không.

— Lang-quân quyết không đổi chí?

— Không.

— Vì cơ gì lang-quân theo họ Hồ, nói cho tôi rõ?

— Họ Hồ gian ác, nhưng thật có tài trị nước.

— Cứ thấy có tài thì theo à?

— Không phải. Năm kỷ mảo, tôi theo quan Thái-Bảo trừ họ Hồ ở Đốn-sơn vì khi đó họ Hồ trái đạo làm tôi. Khi đó, trừ Hồ-quí-Ly là trừ

mối họa cho nước. Chẳng may việc không thành, liệt-sĩ bỏ mình, quốc-tặc còn lại, lời biết là sự thoán-đoạt sắp tới. Quả-nhiên năm sau Qui-Ly cướp ngôi thật. Tôi nay đã sáu năm rồi, sự thế khác cả.

— Khác gì? Xưa là giặc nước thì nay cũng là giặc nước, xưa mưu giết thì nay không thể thờ.

— Xưa một thì, nay một thì. Xưa khác, nay khác. Xưa là đưa quyền-thần định làm loạn nước, Nay là chủ xã-tắc, sắp phải trừ họa lớn cho trăm họ. Xưa mưu giết, nay phải thờ.

— À, .. thế ra ai là chủ thì thờ, không cần hỏi lại-lich ra sao nữa à? Ai làm cho ta giàu sang, ta nguyện dập đầu. Ai có lý (1) cho ta, ta cam khuất-nhục, bụng lang-quân như thế đó ?

— Không phải thế... Ta là con cháu nhà Trần Họ Hồ cướp nước của họ Trần, lời-ưng (2) là ta phải vì họ Trần trừ họ Hồ. Song nếu gầm trời chỉ có họ ta với họ Hồ thì sao ta lại có dong họ Hồ. Song khốn nỗi, trong thiên-hạ, ngoài ta và họ Hồ, còn có nước khác, họ khác. Bên Trung-quốc, cứ bao giờ chúng hết loạn-lạc là chúng nghĩ đến việc thôn-linh các nước láng giềng ngay. Hồi Tống: Triệu-khuông-Dận vừa thống-

(1) Khi đó chưa ai kiêng chữ Ly. húy vua Lê Thái Tổ (Lê Ly 黎利).

(2) Đông-Du kiêng chữ Lý là tên ông ở nhà Trần : Thái-Tổ Trần-Lý.

nhất, xong phương Bắc thì đã có việc lói thối với vua Đinh rồi. Đến đời thằng em là Triệu Khuông-Nghĩa, lũ chó ngo Hầu-nhân-Bảo, Tôn-toàn-Hung sang định lấy nước ta. Giá lúc ấy không có vua Lê Đại-Hành thì giang-sơn này mất chứ còn sao được. Lại hồi đầu nhà Trần, phương bắc nhà Tống mất, rợ Mông-cổ vào làm chủ trung-nguyên. Giá khi đó nhà Trần ta không thay họ Nguyễn (1) thì sơn-hà thổ địa ta còn gì ! Hồi cuối Trần, vào đời vua Dụ-Tông, ở bên Tàu nhà Nguyên đã suy, trong nước rối loạn, bọn Trần-hữu-Lượng, Trương-sĩ-Thành, Chu-nguyên-Chương khởi binh đánh phá. Đến năm Mậu-thân, Chu-nguyên-Chương trừ được quần-hùng, thống-nhất Trung-quốc, có sai sứ đưa thư sang hiệu dụ vua ta. Nước ta bấy giờ đã suy nhược lắm rồi, nhưng vì nhà Minh mới định xong thiên-hạ, còn phải sửa sang việc nước, chưa thể viễn-chinh được, nên cũng chưa có việc gì quan trọng lắm. Đến năm mậu-dần, niên hiệu Quảng-thái thứ mười một, Chu-nguyên-Chương chết, đề ngôi cho cháu là Chu-doãn-Văn. Giữa năm kỷ-mão, có việc ở Đốn-Sơn là năm Doãn-Văn lên ngôi. Chú Doãn-Văn là Chu-Lệ làm phản, đem quân vào cướp ngôi của cháu. Trước tôi tưởng việc ấy còn làm cho Trung-

(1) Ở đời Trần, vì tổ tên là Lý, nên gọi nhà Lý là nhà Nguyễn, bao nhiêu họ Lý cũng bắt đổi là họ Nguyễn.

quốc loạn lâu thì cái họa ngoài ta không lo, có thể đề tâm riêng đến kẻ thù trong được. Không ngờ Chu-Lệ trong hai năm cướp hẳn được ngôi vua. Năm nay đã là năm Vĩnh-lạc thứ ba đời Chu-Lệ rồi! Cứ đề nguyên thì quân Minh nó cũng sang xâm-chiếm ta, hưởng hồ lũ Trần-Thiên-Bình lại lay lục mời nó sang. Nay rồi nó giả danh sang giúp họ Trần, lấy tiếng điều phạt (1) mà sang nuốt trôi giang sơn ta. Họ Hồ là kẻ thù của họ Trần thì phải trừ. Họ Hồ là kẻ giữ nước thì phải thờ. Tôi muốn bắt chước Phạm-cự-Lượng giúp vua Lê Đại-Hành trừ giặc Bắc.

Văn-Trúc cười nhạt:

— Thờ kẻ thù... Lời ấy ở miệng một người trong huyết thống họ Trần, một người đã uống máu ăn thề ở trước Đốn-sơn, thì còn có trời đất nào nữa!... Hay là lang-quân độ ấy giả ốm cho thoát vạ mà việc hơn 370 đầu rụng ở pháp-trường kia, ở trong cũng có tay. Nếu thế thì... trời đất ơi!... còn gì xấu xa hiểm nhục hơn nữa!

Đông-Du nghe hết câu, đỏ mặt tía tai đứng dậy:

— Đừng nói càn!

— Đã chắc là lời nói càn chưa?!

(1) 吊民伐罪 Điều dân phạt tội = Đánh kẻ có tội để cứu vớt dân.

Đông-du cầm cái lọ cắm hoa trên bàn toan ném Vãn-Trúc, nhưng khi giờ lên xong lại không nỡ, liền quảng mạnh xuống đất vỡ tan.

— Bước ngay !

Vãn-Trúc, Vãn-Trúc hỏi lại :

— Lang-quân quyết tâm theo kẻ thù ?

— Quyết tâm theo vua mới !

— Lang-quân không đòi chí nữa ?

— Tôi có nói đùa đâu !

Vãn-Trúc đứng dậy đi ra cửa. Ra tới ngưỡng cửa, nàng quay lại, tay chỉ mặt Đông-Du :

— Tưởng kia ! Bụng mày phản trắc như thế, giờ nào chừng mày ! Ngày mai tao vào nhà thờ lễ tổ tiên, lạy mẹ già, rồi tao cùng mày vĩnh-quyết !

Đông-Du cười :

— Xin tùy ý !

Vãn-Trúc hăm-hăm đi vào nhà trong.

Giữa lúc ấy, tên lính hầu vào nói :

— Gửi, có thầy xã quan xin vào hầu.

V

Chàng về Hồ.

Người xã-quan vào, chấp tay vái. Đông-Du mời ngồi, sai người nhà dâng nước, rồi hỏi :

— Thế nào ? bây giờ đã có tin đích xác gì chưa ?

— Gửi, vừa có công-văn dinh quan An-phủ-Sứ về nói rằng ông được cất làm Vệ-trưởng vệ thứ nhất, thuộc Đông-Bắc quân đóng ở thành Đa-Bang cùng tướng-quân Hoàng-hối-Khanh phòng giặc Bắc. Xin ông sắp sửa sớm mai lên đường.

Đông-Du chấp tay, ngửa mặt lên trời nói một mình như người điên :

— Đa tạ Hoàng-thiên Hậu-thần ! Trần-Đông-Du tôi thề xin hết sức đánh giặc Bắc để giữ an xã-tắc, dầu chết không từ.

Nói xong, lại ngồi xuống bảo người xã-quan :

— Đa tạ thầy đã vì tôi khó nhọc. Ngày khác tương-phùng, còn nhiều ân ái.

Người xã-quan đứng dậy cáo từ :

— Tôi xin chúc ông thượng-lộ bình an, lập nên sự nghiệp lớn, đề tên vào sử sách sau này.

Đông-Du đứng dậy tiến chân ra đến cửa rồi trở vào cho người nhà gọi em vợ là Trần-đức-Mưu đến mà rằng:

— Tôi vì việc nước phải đi xa. Cậu ở nhà quản-cổ hộ gia-đình cho tôi. Cha mẹ tôi hiểm, có mình tôi là con giai. Nay phải bỏ nhà ra đi, thật cũng là bất hiếu lắm. Nhỡ ra tính-mệnh bỏ ở sa trường, việc tông-đường thật lấy làm ân-hận vô cùng. Song sinh ra làm dân nước, nghĩa không thể chối từ.. Thiên-hạ an nguy, dựa thất phu có trách, không thể vì tình riêng mà bỏ việc nước được. Ngăn-ngủi có bấy nhiêu nhời, cậu lượng mà hiểu cho...

Đức-Mưu dom dóm nước mắt cầm tay Đông-Du :

— Nhà tôi thuộc hàn-tộc (1) được thông-hôn-nhân cùng hoàng-tông (2), là điều may mắn hơn người. Tấm lòng quý hóa ấy, chúng tôi đời nào dám quên. Nay anh vì tông-bang (3) phải bỏ nhà thì ngọt bùi khuya sớm việc ấy đã có chị tôi. Còn bao nhiêu việc khác, tôi xin đảm-đương chu tất hết. Tôn-từ tôi coi như mẹ tôi, anh đừng ngại.

(1) và (2). Đời nhà Trần trong họ nhà vua (hoàng-tông) lấy nhau, không mấy khi lấy ra họ ngoài, gọi là hàn-lộc 寒族. Hàn-lộc thông-gia với hoàng-tông là một điều vinh-dự.

(3) Cũng như nghĩa tổ-quốc.

— Được như thế, lòng tôi lấy làm mừng lắm. May mà có cậu, tôi cũng được yên bụng một bề. Ví như không có ai có thể trao lại việc nhà thì chỉ tôi đã quyết, tôi cũng rút tình ra đi, cam chịu hết các tội bất hiếu bất nghĩa cùng mẹ già vợ trẻ.

— Bao giờ anh định lên đường ?

Chiều hôm nay tôi sang nhà thầy xã-quan, đêm ngủ ở đó rồi sáng sớm mai lên đường,

— Anh đã nói với tôn-từ chưa ?

— Lát nữa tôi nói là đi chơi vài ba hôm rồi đi thẳng. Chỉ tôi khác cả nhà, không nói thật được.

Sáng hôm sau, Đông-Du lên đường. Trải hơn năm ngày đường đã tới thành Đa-Bang.



Trên bãi cát trước cửa thành Đa-Bang, một tên lính kéo lê ngọn giáo vừa đi vừa lầm-bầm :

— Chiến với chả trận, vua với chả chúa ! Rét bỏ mẹ đi thế này này, mà phải cầm giáo ra canh-gác. Chẳng biết vua mới định tranh bá đồ vương với ai nữa mà làm khổ dân đến thế này ?

Tên lính thứ hai chạy ra nói :

— Mày ốm đói hay sao mà vác không nổi ngọn giáo lên thế ? Mày thử vác lại hẳn hoi, đi đứng thẳng thắn tao xem nào !

— Tên lính thứ nhất vứt giáo xuống đất :

— Mày giỏi thì mày cầm lấy có được không ? Đói bỏ mẹ đi còn làm bộ ! Hay là anh muốn làm Vệ-Úy đó ? Này, tớ bảo thật : cạm-cui lắm thì khổ vào thân, chẳng ai thương đâu.

— Tao cần gì ai thương ! Có một điều là đã làm con nhà binh thì phải làm sao cho khỏi nhục cái nẹp đỡ với cái giáo chứ !

— Vâng, anh giỏi sao anh chẳng làm quan làm tư, lập công với vua, mà lại đi làm lính như chúng tôi !

Tên lính khác nói đỡ đòn :

— Các anh làm gì mà cãi nhau văng cả lên thế ?

Tên lính thứ nhất hướng vào anh em, chỉ tên lính thứ hai :

— Thừa rằng quan lớn đây người bẻ rằng cầm giáo không được ngay ngắn ạ !

Tên lính khác nói len vào :

— Thôi, đi ! đã khổ bỏ mẹ lên ấy lại còn đem ra mà cãi nhau ! Im mồm cả đi.

Tên lính thứ nhất để giáo xuống vệ cỏ, vừa cười vừa nói :

— Ấy nó khỉ thế đấy. Giầu ăn uống, khó cãi nhau. Thôi, bỏ chuyện ấy đi ! Các anh ngồi túm quanh cả lại đây, tôi hát chơi một bài nghe cho đỡ buồn nhé.

Cả bọn nói :

— Phải đấy

Tên lính thứ nhất vỗ tay hát :

Giáo san sát chừ, ngựa kia hống gió.

Cúi đầu đi chừ, cung đeo ngang lưng.

Ra cửa khóc theo chừ, này con, này vợ.

Bụi tung ngất trời chừ, từ đây cách xa.

Khách qua đường hỏi chừ, đi đâu lạt-đạt ?

Rằng ta viễn thú chừ, Chi Lăng, Tam-Đái.

Thượng-Hoàng hôn mê chừ, cơ-nghiệp đồ nát.

Giết hại con cháu chừ, chân tay tự chặt.

Giặc nước gặp thì chừ, nhảy lên ngôi trời.

Trăm họ làm than chừ, thân bỏ sa trường.

Chúng ta tội gì chừ, gởi đất nằm sương.

Nhớ ngày ta đi chừ, đầu hãy còn xanh,

Vợ con lên chân chừ, nước mắt chạy quanh.

Sa trường máu chảy chừ, chảy thành thác suối.

Bằng sống mà về chừ, tóc nửa nhuộm vôi.

Thập nữ viết vó chừ, lời nói từ xưa.

Làm trai thì loạn chừ, có cũng bằng thừa.

Vợ con trẻ dại chừ, nào ai sẵn sóc ?

Bố mẹ già nua chừ, ai kẻ hỏi han ?

Nghĩ đến việc nhà chừ, nát một lá gan !

Gươm giáo xông pha chừ, thịt nát xương tan.

Hồn đói Mạc-Ngao chừ, nào ai cúng vái ?

Đồng không lạnh lẽo chừ, tiếng khóc bi ai !

*Xương phơi sa trường chừ, nào ai lượm nhặt ?
 Nghĩ đến nông nổi chừ, khôn khô nước mắt.
 Một tướng phong hầu chừ, nghìn đồng xương
 khô !*

*Quăng đầu vô ích chừ, nào ta có rờ ?
 Gió thu hiu-hắt chừ, lạnh buốt ngoài da
 Ba ngày không ăn chừ, xác người hồn ma !
 Cởi giáp bề giáo chừ, chúng ta đi về !
 Vứt giáp quăng giáo chừ, thôi ta chạy về !*

Trong bọn quân có tiếng xi-xào. Nó là tiếng oán hận ngấm-ngấm bắt đầu tiết ra. Nó không thành tiếng nói, không ra tiếng thở dài. Nó như những chỗ nước rò ở cái bể nước đầy, thành còn đủ chắc để chống sức nước, nhưng chung quanh nước rỉ ra những chỗ lỗ chân kim đã nhiều. Tiếng nước rỉ không thành dòng, không có tiếng, nhưng lắng tai nghe thật kỹ, vẫn thấy có tiếng nhẹ-nhẹ thật nhỏ, thật nhỏ. Nó như nước rỉ chỗ đê thăm lậu, trông qua thì không nguy nhưng giờ một giờ, ngày một ngày, đục ruỗng chân đê. Trông vẻ mặt cau-có tức-giận của lũ lính nó giống như nét mặt đũa đầy-tờ bị chủ nhà mắng oan, oán mà không dám nói ra lời.

Một lúc, tên lính thứ hai ngồi xuống vè ngón tay hỏi tên lính thứ tư :

— Anh có thuốc Lào xin một điếu hút chơi.

Tên lính thứ nhất tay vờ điều thuốc :

— Bác có điều không ?

— Có chứ. Bây giờ chỉ có điều thuốc lào giải phiền nếu không có thì còn gì là vui nữa.

Nói xong, chui đầu vào lầu lấy chiếc điều cây con ra. Mỗi người hút một điều. Tên lính thứ hai vừa thở hơi thuốc lào vừa nói :

— Cũng sướng ! Nghe hát hay, hút thuốc say, có chết ầu cũng đành...

Tên lính thứ nhất :

— Chết cũng đành ! Anh thích chết lắm sao ? chết dưới mũi tên hòn đạn, anh lấy làm mát-mẻ lắm hay sao ?

— Rõ khéo ! Tôi nói cũng đành chứ ai nói mát-mẻ ! Chỉ khéo cà-riêng cà-tỏi xằng !

Tên lính thứ tư nói :

— Cứ ý các anh thì vua mới cần rõ lắm sao ?

Tên lính thứ nhì :

— Ai dám nói vua cần gì ! Có sợ mất chỗ đội nón không ? Nhưng mà, mẹ tôi chết tôi không được về, nhân-linh ai không tức giận.

Tên lính thứ nhất :

— Năm ngoái vợ tao chết, tao cũng không được về.

Tên lính thứ ba :

— Nhà tao con một mà phải đi lính thế có cực không?

Tên lính thứ tư :

— Cứ ý các anh thì vua mới làm khổ dân lắm. Hồi cuối Trần là lúc thái-bình thịnh-trị đó ?

— Thái-bình thịnh-trị thì không biết, nhưng mẹ chết còn được về, giỗ bố còn được ở nhà.

Tên lính thứ tư đứng dậy không nói gì nữa, vác giáo đi đi lại lại, vừa đi vừa hát :

Bề nước lặn chừ, có ngày đông lỗ.

Nước thái-bình chừ, có buổi loạn-li.

Thiên hạ an nguy chừ, thất phu có trách.

Giời đã sinh ra chừ, làm đúng nam-nhi.

Việc đời phải gánh chừ, hoạn-nạn sá chi.

Giặc ngoài lẩn côi chừ, nghĩa phải đuổi đi.

Thù trong gác bỏ chừ, tôn vương nhường đi.

Lập nên công lớn chừ, nổi danh một thì.

Bằng có thiệt mạng chừ, sinh ký tử qui.

Ro ró xô nhà chừ, cái chết nữ nhi.

Đói no thường sự chừ, sao thói nữ nhi !

Tên lính thứ hai nói :

— Cứ ý tôi thì ta phải liều một phen loạn-lạc để mua lấy cái thịnh-trị muôn đời. Nếu ta bỏ không theo nhà vua mới thì giặc Ngô nhân bởi lòng người li-tán mang quân sang diệt họ Hồ, thổ-địa nhân-dân ta đến vĩnh kiếp trầm luân.

— Như thế này còn chưa đủ trăm luan hay sao ? Tôi cứ lấy riêng tôi tôi nói thì từ năm vua mới lên ngôi, chưa năm nào tôi được ở nhà. Năm quý-vị, vua mới lên ngôi, mới tháng hai đầu năm, vừa ăn tết xong đã phải đưa dân vào Thăng-hoa, rồi ở luôn trong ấy ba năm. Năm tuất, vừa ở Thăng-hoa ra, chưa kịp nghỉ ngơi thì đầu tháng tr đã phải theo bọn ông Hồ-Xạ lên Lạng đánh đón bắt ông Trần Thiêm-Bình. Nghĩ rằng xong việc thì mình được về. Ai ngờ lại phải lưu-thú lại đó rồi đến tháng chín lại phải đánh giặc bắc, xuýt nữa tôi bỏ mạng ở cửa Pha-lũy. Rồi thì đến đây giữ thành. Thôi, sớm muộn cũng đến chết thôi !

— Trên thành có trống điểm canh Thôi anh em ta liệu thu xếp về đề cho bọn khác ra canh.

VI

Thiếp cũng về hồ

Ba hôm sau khi Đông-Du đi tòng quân, Trần phu-nhân ở nhà sốt ruột, gọi Trịnh Văn-Trúc ra hỏi rằng :

— Chồng con đi đâu mấy hôm nay không về ?

Văn-Trúc thừa biết chỗ chồng đi, nhưng không muốn hở ra, liền nói :

— Con chắc lại vui anh vui em chơi ở quanh hàng huyện. Chẳng nay thì mai chắc cũng về.

— Hôm qua mẹ nằm thấy cái mộng dữ quá. Ta lấy làm sốt ruột lắm. Hay con thử đi tìm chồng con về.

— Mẹ nằm mộng thấy thế nào ?

— Mẹ mộng thấy chồng con nằm giữa chỗ đông người cùng nằm la-liệt cả. Người thì võ đầu, người thì gãy tay, người thì toạc đùi, máu chảy lênh-láng cả xuống đất. Chồng con thì mặt mày đầy máu, tay cầm thanh gươm, ngồi lên ngã xuống mấy lần. Cuối cùng chồng con chết

ngất hẳn đi. Mẹ trông thấy khóc òa lên thì tỉnh giấc. Mẹ lấy làm lo sợ lắm, con phải đi tìm chồng con về cho ta được đành lòng.

— Sinh dữ, tử lành, mẹ đừng ngại. Vâng, đề con xin đi tìm ngay xem nhà con đi chơi nơi nào, thì con bắt về nhà ngay.

— Ừ, thế con đi ngay nhé... Mà cậu ấm nhà mấy hôm nay không thấy lại chơi. Hay cũng cùng đi chơi với chồng con hẳn! Mẹ lấy làm ngại lắm đó. Đời loạn, cái sống chết không thường, con ạ.

— Không, xin mẹ đừng lo. Con xin đi tìm về ngay.

Văn-Trúc ra đi. Thoạt-tiên, nàng sang nhà em là Trần Đức-Mưu :

— Cậu có biết nhà tôi đi đâu mấy hôm nay không ?

— Em chắc anh ấy lại đi chơi quanh trong hàng huyện. Hay là anh ấy xuống chơi ông ấm Đặng ở Bùi-thôn ?

— Cậu liệu có giấu được mãi không mà cứ bùng bít mãi ? Tôi biết thừa cả đi rồi.

— Thật em chẳng biết gì cả.

— Rồi cậu khác biết ! Cậu cho tôi mượn bút mực viết bức thư về hầu cha.

Văn-Trúc vào trong phòng đọc sách một lúc rồi ra. Đức-Mưu hỏi :

— Thư đâu ? để tôi gửi đi nhân thẻ cho kịp chuyển chậm-ngựa.

— Thôi, để tôi về tận nơi thăm thầy mẹ, nhân thẻ tìm nhà tôi. Bắt tất phải thư từ gì nữa.

.

Trên bờ hồ Tây, chỗ phượng An-thái trông ra, một người thiếu-phu đứng dưới gốc cây đề ở vệ hồ. Người ấy là Trịnh Văn-Trúc. Nàng nói dối mẹ chồng, nói dối em, lên Thăng-Long tìm chồng. Nhưng lên tới nơi nàng dò la biết đích là chồng đã lên Đa-Bang. Nàng cảm tức vô-cùng, tủi nhục vô cùng quyết ra hồ Tây tự-tử. Đứng dưới gốc cây đề, trông ra hồ, nàng soát lại hết nỗi khổ-tâm của nàng.

Người ta sống phải biết sĩ-nhục, phải có tiết-nghĩa, nhân hiếu. Vô-sĩ, vô-nhục, bất-nhân, phi-nghĩa, trái tiết, sai đạo, sao có sống được ! Nghĩ ra cho kỹ : ta cũng không làm gì nên bằng ấy tội, song lỗi của chồng là lỗi của vợ, chồng bất-nhân vì vợ chẳng hiền. Ta đã không đủ sức can chồng thì phải chết để sáng nghĩa, rõ đạo, rửa được nhục cho chồng, cao được tiết tháo của ta. Chẳng hơn sống để thiên-hạ chỉ vào mặt mà mắng rằng : con này là vợ thằng vong ân bội-bạc, tàn nhân, hại nghĩa. Con cháu thờ kẻ thù của ông vải, còn có giới đất nào nữa !

Thôi thì :

*Chàng về Hồ, thiệp cũng về Hồ,
Chàng về Hồ-Hán, thiệp về Hồ Tây !*

Cha mẹ ơi, con phụ công sinh-thành, trái đạo làm con, cha mẹ cũng xét mà thương cho, Con về làm dâu nhà người, vinh nhục sống chết phải vì nhà chồng, vì chồng. Con mà sống nhục, để tiếng xấu cho cha mẹ, có nhẽ không bằng chết đi cho cha mẹ hả dạ rằng sinh được đứa con biết trọng nghĩa khinh sinh.

Mẹ ơi, con về làm dâu mẹ thêm thêm ngọt chực năm giờ, chưa khi nào trái đạo làm dâu. Đến nước non này, con đành phụ mẹ. Mẹ sao nhân-nghĩa tuyệt vời, con sao xấu số kém người thế thôi !

Giời lúc đó mới hơi tang-tảng sáng, đám sương mù còn bay tỏa mặt hồ, ngọn cỏ còn đầm-đăm hạt móc. Mắt nhìn thẳng xuống mặt hồ, nàng rảo bước đến sát vệ hồ. Hết bờ cỏ, nàng gieo mình xuống. Một tiếng « ùm », nước trắng tóe lên. Rồi im. Gợn sóng đập bờ mười lượt thì mặt nước lại phẳng lặng như tờ. Trên mặt hồ, hơi sương tan dần. khói mù quang-quẻ thêm mãi để đợi ánh sáng vùng đông chiếu xuống.

.
Thế là, thù nước chưa chắc đã dẹp xong mà Đông-Du bắt đầu đã vô-tình hi-sinh người vợ

hiền rồi. Vợ chồng Đông-Du, ai trái, ai phải? Lấy con mắt người đời này mà xem thì Văn-Trúc là người vì ngu mà tự-hoại, chẳng đáng ai thương. Lấy bụng người đời bấy giờ thì Đông-Du bất-nhân hãm vợ hiền vào chỗ chết. Thật ra, tội chỉ ở *thì thế* chứ chẳng ở ai cả. Giết Văn-Trúc là một chữ « *lâm* ». *Lâm* hiểu cái gì gọi là nhân nghĩa ở đời. Phải người đã vì một nghĩa gì, vì một người nào mà chết được, là người đáng kính. Nghĩa ấy có thể sai *lâm*, người ấy có thể tầm thường, bất-chính, nhưng người đã chết vì nghĩa ấy, người ấy, vẫn đáng kính. Người đã có thể chết vì « cái ở ngoài mình » là người vong-kỷ xả-thân rồi. Nếu người ấy lại biết chọn đúng nghĩa hay, người hay mà thờ cho đến bỏ thân thì cái bỏ thân ấy, không những đáng kính mà còn đáng trọng nữa. Người bỏ mình vì người được, là người có cảm-tình sâu lắm. Nếu vì trí-luệ người ta mờ-ám trông *lâm* hiểu lạc mà vứt bỏ cái bụng tốt của người ta đi, thì oan cho người ta quá. Vì người ta làm chẳng đáng trọng, nhưng cái bụng xả-thân vì người lại không đáng kính hay sao?

.

Giữa lúc Văn-Trúc gieo mình xuống hồ Tây thì ở Tây-Đô, Trịnh Đức-Mưu lục đồng sách tình cờ bật ra một lá thư. Trông ngoài phong bì thấy chữ Văn-Trúc viết, Đức-Mưu thất kinh. Sắp

giở ra xem thì có người nhà vào báo rằng Trần phu-nhân sang chơi. Đức-Mưu vội khăn áo ra tiếp. Trần phu-nhân nói :

— Quái lạ ! Con vợ thẳng ắm cả nhà tôi đi tìm chồng đã năm hôm nay chưa thấy về. Chồng nó đi đã được mười hôm. Đêm qua tôi lại nằm thấy giấc mộng dữ. Tôi lấy làm lo sợ quá — Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, tôi lo ngại vô cùng.

— Cu mộng thấy thế nào ?

— Tôi thấy chị ấy đứng một mình trước mặt cái hồ. Lúc ấy giờ còn mờ tối, sương phủ kín cả giời đất. Tôi thấy chị ấy dùng dăng một lát rồi đâm đầu xuống hồ. Cứ theo cái mộng ấy thì con tôi đến hồng mắt.

Trần phu-nhân khóc lên rưng-rức.

Đức-Mưu cũng không cầm được nước mắt :

— Mấy hôm trước chị con có đến đây, có viết bức thư để lại, gấp giấu trong chồng sách. Lúc nãy con vừa vô-tình giở sách ra mới thấy, vừa loan xem thì phu-nhân đến. Đề con xin giở ra đọc hầu.

« Thừa lay mẹ,

« Chồng con quên thù tở phụ, cam fàm thờ giặc Hồ, hiện đã ra bắc tòng quân. Con can ngăn chẳng được, chỉ còn một kế là theo ngay ra bắc.

« May mà kịp gặp thì cố khuyên lại đôi lời. Nếu chẳng may không gặp, hoặc gặp mà chồng con vẫn nhất-tâm thờ giặc thì con xin chết để gỡ tội cho chồng. Mẹ đừng mong gặp con nữa. Máu hòa nước mắt, gọi là có mấy lời để mẹ biết lòng cho. Mẹ thấu tình cho.

Văn-Trúc đốn thủ khắp thư ».

Nghe đọc xong, Trần mầu òa lên khóc.

— Nếu thế này thì, trời đất ơi, hai con tôi chết cả rồi, trời thấu chẳng trời !

— Xin phu-nhân hãy tĩnh-tâm. Để con xin ra bắc ngay, dò tin tức xem sao rồi hãy hay.

— Vâng, tôi cũng phải đi cùng cậu nữa mới được. Tôi ngồi ở đây sao cho an tâm !

Trần phu-nhân và Trịnh Đức-Mưu ngay hôm sau cùng ra bắc. Ra tới Đông-Đô, thấy tin rằng trên mặt hồ Tây có nổi một cái xác đàn bà. Hai người cùng lên, thuê ngư-ông vớt vào thì đích là Văn-Trúc, mặt vẫn tươi tỉnh như thường tuy dầm nước đã lâu. Hung-táng tạm ở đấy rồi Trần mầu và Đức-Mưu về nghỉ ở nhà trọ. Một tháng sau, Trần mầu vì buồn rầu cũng ốm rồi mất. Đức-Mưu một tay lo liệu ma chay rồi, xong việc, cũng ứng-mộ tông-quân.

VII

Vào sinh ra tử

Bãi cát ngoài thành Đa-bang ngày đêm vẫn có lính canh gác. Độ này quân canh gác lại nhiều hơn, nghiêm hơn, chăm hơn.

Cuối thu gió lạnh, tháng chín hơi sương. Gió ngoài sông thổi vào, ào-ào như tiếng nước reo chỗ vỡ đê. Những chiếc lều canh san-sát như bát úp, bị gió lồng vào, phập-phồng, trông như hàng trăm con rùa trắng động mui muốn bò. Tối đến mỗi lều trong treo một chiếc đèn con, leo-lét cổ phá tan hơi sương trời rét.

Một hôm trời sáng trăng, bọn lính canh tụ làm hai đồn, đặt là đồn nam đồn nữ, giả làm bên trai bên gái, cùng hát trống-quân ứng-đối nhau. Mỗi bên chọn vài tay hát giỏi, giọng tốt, thay nhau mà hát. Anh em phụ vào đặt câu hát giúp. Bên nam xướng một câu lục bát thì bên nữ lại hát trả lại một câu lục bát tiếp vần, rồi đến bên nam lại tiếp vần bên nữ. Cứ như thế mãi cho

đến khi nào một bên không tiếp nổi nữa, tức là có bên thua, hoặc cho tới phiên đổi gác, tới sáng. Hát trống-quân lúc này, chỗ này, mới là đúng nơi đúng lúc.

Nam : *Trách ai đắp đất xây thành,
Xa cha xa mẹ, một mình xông pha !*

Nữ : *Cùng nhau thôi đã cách xa,
Sống đâu còn đến thân ta, hỡi mình ?*

Nam : *Thề xưa còn đó rành rành,
Nay thôi anh đã phụ tình cùng em !*

Nữ : *Bề trần không nước mà chìm,
Phong hầu chiếc ấn, ai tìm thấy chưa ?*

Nam : *Tắm thân dầu-dãi nắng mưa,
Màn sương đậm gió bao giờ cho thôi.*

Nữ : *Còn gì là cái thanh-thoi,
Rồi đây máu chảy xương rơi còn nhiều.*

Bên nào cũng nhiều người đặt câu hát. Và, đương lúc trăng trong gió mát, đất khách quê người, giữa bãi sa-trường, một đoàn chiến-sĩ, thì câu văn tức cảnh tả tình bao giờ hết được. Trên trời bóng trắng vắng-vặc chiếu, dưới đất tiếng hát lạnh-lạnh vang. Cho đến gần sáng, bóng trăng đã nhạt, trời đã chày đông. Nghe những câu hát, toàn là câu oán-vọng bi-ai. Thật là quân Minh chưa khắp đất mà tiếng hát Sở đã vang rầm.

Trời vừa tang tảng sáng, mấy tên lính tắt tươi

chạy ở bờ sông lại, mỗi đứa tay cầm một phiến gỗ con, hoa chân múa tay, reo lên rằng :

— Anh em ơi ! ngoài sông vô số phiến gỗ con như thế này, theo giòng nước chảy bập bênh như lá tre trên mặt sông.

Lũ lính vói vàng đũa nào đũa ấy ở lều chui ra xem thì thấy phiến gỗ nào cũng có chữ.

Một tên lính nói :

— Phải đem trình thầy đội đề đệ lên quan trên.

Tên khác nói :

— Ta hãy xem, xem trên phiến gỗ viết những chữ gì đã. Anh nào giỏi chữ đọc đi nào.

Một tên lính cầm phiến gỗ.

— 'Tôi đọc các anh nghe nhé ?

Bọn lính túm-tít chung-quanh. Tên lính đọc :

Minh Chinh-Nam Phó-tướng-quân, Tân-Thành hầu Trượng, hịch An Nam thần dân sĩ thứ :

Cái văn :

Hưng diệt, kế tuyệt, vương giả chi sự dã.

Nhĩ Quốc-Vương : khác tuân chính-sóc, thế hiệu trung trình. Tao thử bất tạo, vi ngoại-thích Lê Quì Ly phụ tử thoán đoạt.

Ngã Đại Hoàng Đế :

Liên kỳ trung hiếu thủ bang, thâm tột gian mưu tiếm ngụy. Dục thân đại nghĩa u thiên hạ,

đặc mệnh bản sủy phụng từ phạt tội, kỳ vu tiền trừ gian hung, vị nhĩ Quốc-Vương khắc phục cựu nghiệp.

Nãi tự đại binh áp cảnh, nhi quốc dân do hữu vi gian tặc quỉ kế sở ngu, cảm chấp can qua, dĩ kháng thiên thảo. Nhĩ nãi lễ nghĩa chi quốc, đọc thư minh lý, khỉ bất tri quân thần thuận nghịch chi tông vi, chấp mê khả mẫn.

Cám đặc khai kỳ sinh lộ.

Nghĩ phạm đại quân đáo xứ, hoặc năng hối tội đầu thành, thì dụng tứ xá.

Thuận nghịch chi lý, nhĩ kỳ tư chi. Vô tự dĩ y thích, vi vạn thế tiểu.

Hịch đáo cấp như luật lệnh ». (1)

(1) Nguyên văn chữ hán (viết theo hàng ngang như chữ latin, từ tả sang hữu, từ trên xuống dưới):

明,征南副將軍,新成侯張,檄安南臣民士庶:蓋聞興滅繼絕,王者之師也.爾國王:恪遵正朔,世號忠貞;遭此不造,爲外戚黎季犛父子篡奪.我大皇帝:憐其忠孝守邦,深疾奸謀僭僞;欲伸大義於天下,特命本帥,奉辭伐罪.其于剪除奸凶,爲爾國王,克復舊業.

乃自大兵壓境,而國民猶有爲奸賊詭計所愚;敢執干戈以抗天討.爾乃禮義之國,讀書明理;豈不知君臣順逆之從違,執迷可憫.今特開其生路:擬凡大軍到處或能悔罪投誠,是用肆赦.順逆之理爾其思之,無自貽伊戚,爲萬世笑.檄到急如律令.

Lũ lính nói:

— Anh cắt nghĩa đi chứ ! Đây chúng tôi đốt đặc cả, chẳng hiểu gì đâu !

— Thế tôi dịch nôm ra cho các anh nghe nhé.

Quan Chinh-Nam Phó tướng quân nước Minh là Tân-Thành hầu Trương — Trương Phụ đây ! — truyền bịch cho thần dân sĩ thứ An-Nam rằng :

Nhắc kẻ mất, dỡ kẻ tuyết, đó là quân đứng vương giả.

Nguyên vua nước các người vẫn theo chính-sóc đời đời trung-trình — đây là nói nhà Trần đây ! — Chẳng may gặp cha con Lê Quí-Ly (1) là đưa họ ngoại cướp mất ngôi.

Đức Đại-hoàng-đế ta :

Thương rằng vua nước người lấy trung hiếu giữ nghiệp, thậm ghét đưa dùng mưu gian hiểm nguy. Muốn làm tỏ nghĩa lớn trong thiên hạ, nên sai Bản-Sứ đây sang hỏi tội, trừ đưa gian hùng để phục lại nghiệp cũ cho vua các người.

Thế mà tự khi đại binh đến cõi, dân trong nước còn bị quỷ kế của đưa gian tặc làm ngư búng, dám cầm gươm giáo chống lại binh trời. Các người là dân nước lễ nghĩa, có đọc sách, rõ lẽ phải, há lại không biết đạo vua tôi, thuận

(1) Khi lên ngôi vua, Quí-Ly mới đổi họ Hồ. Đây gọi theo họ cũ khi làm quan với nhà Trần.

ngịch nên theo nên bỏ hay sao ? mà cứ khư-khư mé muội mãi, thật đáng thương vậy !

Nay ta mở rộng đường sống cho :

Phàm nơi nào đại-quân đến, ai biết hối tội thành-thật đầu hàng, ta đều tha cả. Lẽ thuận nghịch các người tự nghĩ khác hay. Đừng tự gây lấy khổ, khiến vạn đời về sau cười cho. Cấp như luật lệnh, »

Lũ lính đưa mắt nhìn nhau một lúc rồi tan, ai vào lều ấy. Một tên lính mang chiếc thẻ gỗ vừa vớt được vào trình ông đội Trần-đức-Mưu.

Đức-Mưu vào thành ra mắt Đông-Du :

— Anh có rõ tình thế quân ta thế nào không ?

— Quân ta chẳng mạnh lắm, nhưng cũng đủ chống giặc.

— Tôi định hỏi bụng dạ quân ta kia.

Đông-Du thở dài,

— Kề bụng dạ thì cần lắm. Giặc chưa đến, chúng đã ngã lòng cả rồi. Bình-thư rằng : « Công tâm vi thượng, công thành vi hạ » (1) bụng dạ quân ta, dân ta, hình như quân Minh đã lấy mất rồi. Nói nhỏ đây mà nghe : Thành này khó lòng giữ được mà đại-cục cũng muốn như đi đứt. Nhưng người cứ hết sức người, còn được thua

(1) 攻心爲上, 攻城爲下 Đánh vào bụng người à việc trước, đánh thành là việc sau.

còn mất ở giới. Dù sao đi nữa, tôi cũng hết sức. Ý cậu thế nào ?

— Ý tôi cũng thế. Anh xem cái thẻ gỗ này.

Đông-Du cầm cái thẻ gỗ. Đọc xong, chàng cau lông mày :

— Cậu nhặt được ở đâu thẻ này ?

— Quân Minh hiện đang đóng ở tuần Bạch-Hạc. Đây là hịch của chúng viết vào thẻ gỗ thả theo dòng sông. Bọn lính ở cạnh bờ sông nó vớt được, đem trình tôi.

— Thẻ này tôi phải đem trình quan trên.

Vừa nói đến đây, một tên đội-l trưởng vào đưa cho vệ-trưởng Trần Đông-Du một cái biên-hỏa (2) truyền lệnh của tướng quân Hoàng Hối-Khanh khiến Đông-Du đem năm trăm quân sang sông ngăn giặc.

.

Hai hôm sau.

Bãi cát bờ sông vừa chiều hôm trước quân hai bên giao-phong, sắt vàng chen tiếng, giáo mác sắc tay, rợp giới sát khí, khắp đất thịt rơi, tên bay đạn lạc bời-bời, vào sinh ra tử, thịt rơi xương lìa. Đám chém băm giết vừa tối thì quân Hồ thua to, quân Minh sang sông đánh thành.

(2) Biên có chữ hỏa, dùng để thông tin trong quân.

Hàng ngàn cây nằm ngổn-ngang trên vũng máu, hàng ngàn người toạc đùi thủng bụng, sống dở chết dở, nằm phơi sương suốt đêm. Sáng tang tắng. xa xa đã nghe đàn quạ đánh hơi tìm đến. Nào ai ra đây nhặt đồng thối tàn ? Nào ai ra đây than câu : Ô hô ! Y hi ! thì da ? mệnh da ? Vạn cổ như ti ! vị chi nại hà ? 1).

Giữa đám cây người, có chiếc cựa cậy. Một lúc chiếc cây ngồi dậy, mặt mũi đầy máu. Một lúc nữa, chiếc cây ấy rờ thanh gươm chống xuống đất, ngồi nhồm hằn lên. Tay phải chống mũi gươm xuống một cái cây trước mặt, cây ấy bây giờ trông đã hơi ra người, nửa quỳ nửa đứng, chân trái quỳ hằn xuống, chân phải cong cong nửa như đứng lên. Lại một lúc nữa, người ấy quay sang sông, lắc đầu :

— Đại-cục hồng rồi !

Trông kỹ chiếc cây trước mặt, người ấy trợn mắt :

— À ! thằng giặc Ngô này lúc nãy mày đánh nhau với tao ! Tao còn bấm nhỏ xác mày ra rồi tao mới nhắm mắt.

(1) Một câu trong bài Điều cổ chiến trường (Viếng chiến trường cũ) 嗚呼噫嘻！時耶？命耶？萬古如斯！謂之奈何 Hỡi ôi ! thương thay ! Là thì hay là mệnh ? Ngàn xưa vẫn thế, nói sao bây giờ ?

Vừa nói vừa giơ gươm lên chém. Chém được hai nhát, kiệt sức ngã gục xuống.

Vùng thái-dương đã hé dằng đông.

Ánh sáng buổi mai chiếu xuống, soi rõ đồng xác chết máu đông, trông càng thảm đạm thương tâm.

.....

Một người từ cánh đồng xa đi lại đồng thấy người, vừa đi vừa nhìn lật xét kỹ từng cái thấy một. Lom-khom một lúc, tìm kiếm lục lọi vài trăm thấy, người ấy đứng dậy thở dài :

— Quái lạ ! Anh ta đâu ? Có nhẽ chết mà thân thể bị hoại, không toàn chẳng ? Hay là bị quân lính giầy xéo mà nát hết ? Lúc mới lâm trận, rõ ta thấy đánh nhau ở chỗ này Ta phải lùi lại sau cam chịu tiếng bất dũng để lưu lại chút thân mà tống táng cho anh ta rồi ta chết ở trận sau. Nay lại không tìm thấy xác thì công ta uổng cả. Giời đất ơi ! người nghĩa-liệt như thế này, mà cả nhà tuyệt-diệt, riêng mình thì lăm di-hài lại bị vùi chung cùng đồng xương vô định thì còn có giời đất nào nữa !

Cúi xuống thắt lại cái rỏ buộc đùi xong, người ấy lại tìm kiếm hồi nữa. Một lúc đến chiếc tử-thi lúc nãy, cúi xuống nhìn thật kỹ, rồi phục xuống gọi :

— Anh ơi ! Anh ơi ! Anh Trần Đông-Dụ !

Một lúc, chiếc thây cựa cạy, nhưng lại nằm im. Người kia lấy lọ nước dắt bên mình đổ vào mặt rồi lại gọi thất thanh. Hồi lâu, Đông-Du tỉnh. Người kia đỡ dậy. Đông-Du nhìn kỹ rồi nói

— Cậu Đức-Muru đấy ư ? Thế nào ? Thành còn không ? Quân Minh ở đâu ? Quân ta thế nào ?

— Thành mất rồi. Quân Minh đã chiếm thành. Nay chúng kéo đại-đội xuống hạ Đông-đô. Quân ta hiện đang kéo cả xuống miền Nam. Tả-tướng-quốc Hồ Nguyên-Trừng hiện đốc-xuất đạo thủy-quân ở Mộc-Hoàn giang.

— Sức tôi yếu lắm rồi. Chết cũng gần tới. Tôi chỉ tiếc rằng không đủ sức xuống Mộc-Hoàn giang đứng mũi thuyền cướp giáo giặc. Hay là cậu cống tôi ra khỏi chốn này, ta tìm thuốc thang chữa rồi tính việc sau.

Đức-Muru sốc Đông-Du lên vai, trèo qua các đồng thấy người, lần bước đi. Đi được mười bước, Đông-Du ngã tụt xuống, bất tỉnh nhân sự. Đức-Muru sờ người thấy còn thoi thóp thở, gọi to lên. Giờ lâu, dần dần Đông-Du lại tỉnh.

— Tôi chết mất, không sao thoát được. Bây giờ đến lúc sắp chết, tôi mới hỏi đến việc nhà. Từ ngày tôi đi, ở nhà mẹ tôi và chị ấy ra thế nào ?

Đức Muru thồn-thức kể lại hết đầu đuôi.

Đông-Du vẫn điềm-lĩnh :

— Thế là nhà tôi tuyệt diệt cả. Thôi ! nước hồ đã cạn, cá nào mong sống ; rừng kia đã cháy, cây nào còn tươi !

Đứng dậy chống gươm, Đông-Du quát to :

— Đại-trượng-phu thủ nghĩa thành nhân, vì nước quên thân quên nhà. Tôi chết thế này là mát-mẻ, còn hối-hận gì !

Dứt tiếng ngã gục xuống. Lần này chết thật. Bao nhiêu hơi sức còn thừa, Đông-Du đem trút cả vào câu nói cuối cùng.

Đức-Mưu sờ thấy Đông-Du thật tắt nghỉ, khóc òa lên :

— Ồi anh ơi !... Anh toàn danh mà chết. Anh vì nghĩa cả mà chết, em nào dám thương anh ! Anh ơi ! Anh đợi em chốc lát, em xin theo anh.

Cầm gươm đâm cổ, Đức-Mưu chết phục bên cạnh thầy Đông-Du.

Viết ở Du-Lâm, ngày Janvier — Février 1931

Sửa lại ở Vinh, ngày Janvier — Février 1939

P. T. B. N. S. Số 86
ngày 1^{er} Juillet 1941

NGƯỜI ANH CẢ?

TIỂU-THUYẾT CỦA LÊ VĂN-TRƯỜNG



Phô-Thông Văn-Học

DANH-NHÂN DẬT-SỬ

PHAN - VĂN - THẬN

Ông Phan-văn-Thận-quán làng Thụy-lôi, huyện Kim-bảng, tỉnh Hà-nam, đỗ Cử-nhân đời vua Tự-đức. Đồng thời một nhà ông có bốn người đỗ Cử-nhân, là Cử anh, Cử em, Cử chú, Cử cháu, nhưng chỉ đỗ thế thôi, chứ không ai làm quan, nên người ta thường nói nhà ông có cái mà « hữu khoa vô hoạn ».

Ông là người thiên tư minh mẫn, tài bộ hơn người, viết văn rất nhanh mà hay, không mấy người sánh kịp. Chính khoa ông đỗ Cử-nhân-đó, kỳ đệ nhất cũng viết « kiêm trị » đủ năm bài kinh, hai bài truyện, chứ không chịu viết một bài kinh, một bài truyện như người, mà bài nào cũng hay, phê nổi « bình » cả.

Ông có chí lớn mà không gặp thời, không làm được sự nghiệp to, nên mới phóng-túng chơi bời, lấy non xanh nước biếc làm thú tiêu dao, chén rượu câu vãn làm mỗi sinh-hoạt, không để ý đến trường dân lợi như ai nữa.

Nhà ông nghèo, nhưng ông vẫn vui với cảnh nghèo, không bao giờ nóng lòng hoa mắt với đồng tiền phân bạc. Có một việc chứng rõ cái nết quý báu ấy, nhân tiện thuật ra đây :

Một hôm ông đến chơi với một ông bạn làm quan, bạn tiền ông chục bạc, ông cố từ không lấy, nhưng bạn không nghe, bắt đắc dĩ đành phải nhận vậy. Khi ra khỏi phủ đường, vào nhà hàng cơm nọ, ông liền mượn người đòi bạc ra tiền kẽm, được những tám mươi quan, sai gọi những kẻ nghèo đói đến, đem tiền ấy phân phát. Kẻ được năm tiền, kẻ được ba tiền, tùy người lớn trẻ con mà phát cho, một lúc hết ráo.

Ông bạn được tin, tức thì sai lính mời vào phủ, trách hỏi ông rằng :

— Chả mấy khi bác đến chơi, tôi thấy bác cảnh nghèo, nên mới giúp bác số tiền ấy. Có sao bác lại đem cho những đứa khốn nạn, chẳng hóa bác khinh bỉ tôi lắm ru ?

Ông cười đáp :

— Thế ra tôi với bác chơi với nhau tự khi đề chỏm, mà bác vẫn không biết tính tôi. Vâng, bác tiền tôi như thế, đối với tình bằng hữu rất là trọng hậu, tôi cảm kích lắm rồi, có phải loài gỗ đá đầu mà không biết ! Tôi nghèo thật, song là cái nghèo « thượng lưu », không lao khổ khốn-nạn như trăm nghìn kẻ khác. Vậy thì món tiền ấy, tự ý bác cho tôi, lại tự ý tôi chia cho người khác, tôi chịu ơn một mình bác, mà lại giúp ích được nhiều người, là việc hay lắm chứ, sao lại gọi là khinh bỉ bác được !

Nhiều người biết tin ấy, ai cũng khen ông Thận

là người cao-khiết, không ham chuộng cái của phù vân.

Ông Thận chẳng những hay chữ mà thôi, văn nôm cũng hay lắm. Khi ông lên lão 50 tuổi, con hai vợ, ông cao hứng, làm hai bài văn cho hai vợ chúc thọ như sau này :

*Mừng cho ông Cử nhà ta,
Năm mươi mà vẫn chưa già như ai.
Rượu còn mỗi bữa mỗi chai,
Văn còn viết thoắt mấy bài cũng xong,
Còn chơi trống bỏi long tong,
Còn đương tay bế tay bông tay mang.
Còn bia đá, còn bảng vàng,
Còn cây đào đức Tây-vương (1) đợi chờ.
Già càng lắm chuyện hay ra :*

Vợ hai chúc :

*Mừng cho ông Cử nhà ta,
Năm mươi mà vẫn như là đương trai.
Văn còn mắt phượng mày ngài,
Văn còn da trắng tóc dài như xưa.
Chuyện trò còn dẻo như tơ,
Nàng Tiên đỉnh Giáp đêm mơ mấy lần.
Còn trời, còn đất còn xuân,
Còn thi đỗ nữa, còn ăn chơi nhiều.
Càng già càng kính càng yêu.*

Một đêm rằm tháng tám, ông Thận cùng mấy người bạn « đánh chén » trông giăng giữa nơi nhà

(1) Mẹ bầy còn:

trợ. Nhân lúc gương nga vắng vặc sáng tựa ban ngày, bạn có yêu cầu ông làm bài vãn nguyệt. Trông lúc chén đã ngà say, hứng văn phát tác, ông ngâm ngâm được ngay một bài giai tác như sau:

Tiết trung thu trời quang mây tĩnh,
Chốn lữ-đình giấc tỉnh canh khuya.

Tai nghe vắng vắng bốn bề,
Gương Nga vắng vặc giai kè thêm lan.

Thấy giăng mà động lòng vàng,
Ngâm câu vãn nguyệt mà than mấy lời.

Hỏi di Nguyệt mấy lời sau trước :

Duyên-cớ sao mà được thanh thời ?

Nguyệt rằng vật đổi sao dời,
Thân này trời để cho người soi chung.

Làm cho mỗi mắt anh-hùng,
Nghìn thu sương tuyết một lòng thanh quang.

Hỏi di Nguyệt có đang lên tới,

Chốn Thiềm-cung phỏng mấy mươi xa ?

Nguyệt rằng : ta lại biết ta,
Có cây đan-quế ấy là chị em.

Anh-hùng thử tới mà xem,
Kìa gương ngọc thỏ, nọ rèm thủy-linh.

Hỏi di Nguyệt có tình chẳng tá ?

Bấm đốt tay, tuổi đã nhường bao ?

Nguyệt rằng : chút phận thơ đào,
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.

Mảnh gương vắng vặc chẳng mòn,
Bao nhiêu tình-dầu là con cái nhà.

Hỏi di Nguyệt : Hằng-nga mấy tuổi,

Cứ ngày rằm đến tối thì ra ?

Nguyệt rằng : trong cõi người ta,
 Minh-minh trường dạ, ai mà biết ai.
 Vậy nên mở mắt soi đời,
 Biết nơi nham-hiểm, biết người tài-gian.



Thấy Nguyệt nói, càng thêm yêu Nguyệt,
 Biết lòng ta có Nguyệt hay chăng.
 Thử lên cho lối cung giăng,
 Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.
 Một giăng với lại một ta,
 Biết nhau chỉ có canh ba điểm thung.



Thong thả, Nguyệt ước lòng lại hỏi :
 Cõi trần gian là cõi làm sao ?
 Sự đời như thề chiêm bao,
 Công, Hầu, Khanh, Tướng xôn xao trong vòng.
 Tranh nhau vì chút hơi đồng,
 Hiếp nhau vì miếng đỉnh chung của trời.
 Nguyệt lại hỏi mấy người quân-tử,
 Lúc vắn lời hai chữ kinh luân ?
 Ta rằng : có chí thánh thần,
 Gia công trị loạn, nên thân thái bình.
 Còn phượng trúc lợi tham danh,
 Chẳng qua như thề lênh đênh của bò.
 Nguyệt lại hỏi : rùng nho mấy kẻ,
 Rõ ra tay bẻ quế Trường-an ?
 Ta rằng : cá bễ chim ngàn,
 Đời nào chẳng có phượng hoàng, kinh ngư,
 Ta hỏi Nguyệt, ngẩn ngơ, ngơ ngẩn,
 Nguyệt hỏi ta, thơ thần, thần thơ.

*Hoa lay trước gió phất phơ,
 Hiu hiu gió thổi, hoa đưa ngọt ngào.
 Canh càng thắm, Nguyệt càng cao,
 Nguyệt ta ta Nguyệt biết bao nhiêu tình.
 Mấy câu ngâm chốn lũy đình.
 Hỏi ai biết Nguyệt biết mình hay chẳng (1)*

Ông Thận lại có biệt-tài phiên dịch những bài văn chữ Hán, nhiều bài dịch tuyệt hay. Đại để như những bài :

人 皆 以 牛 耕
 Nhân dai gĩ ngư canh,
 予 獨 以 筆 耕
 Dư độc gĩ bút canh,
 筆 耕 無 人 聲
 Bút canh vô nhân thanh,
 字 字 如 花 生
 Tự tự như hoa sinh.

Mà ông dịch :

*Người ta cày ruộng bằng trâu,
 Ta cày bằng ngọn bút tàu ta chơi.
 Bút cày chẳng thấy tiếng ai,
 Nở ra con chữ nét cười như hoa.*

(1) Bài này có người nói của ông Kỳ-đồng làm ra, song thấy trong tập văn ông Phan-văn-Thận nên biên thuật ra đây để chất chính cùng các bạn đọc,

人 皆 漁 於 海
 Nhân giai ngư ư hải,
 予 乃 漁 於 山
 Dư nãi ngư ư sơn
 漁 山 山 無 魚
 Ngư sơn, sơn vô ngư,
 山 勢 走 波 瀾
 Sơn thế tẩu ba lan.

Mà ông dịch :

*Người ta xuống bể vắng chài,
 Ta lên đỉnh núi ta ngồi ta câu.
 Núi còn có cá nữa đâu,
 Sóng tuôn thế núi ghêch đầu chạy xuôi.*

Thì thật là dịch hết ý nghĩa mà lời lẽ lưu loát lắm.

Nhưng chưa tài tình bằng bài văn dịch phú Xích bích cũng của ông Thận, chúng tôi sẽ đăng tiếp ở số sau.

HOÀI-NAM-TỬ

Báo mới

TRI-TÂN TẠP-CHÍ. — Tạp-chí văn-học và sử-học, do các nhà văn Đào Duy-Anh, Nguyễn Văn-Tổ, Hoa-Bằng, Trúc-Khê, Tiên-Đàm, Nhân-Nghĩa v. v. biên tập có nhiều bài nghị-luận khảo-cứu rất đặc-sắc. Xuất bản hàng tuần, số đầu đã ra ngày 3-6-1941. Mỗi tập dày 24 trang khổ rộng, giá bán 0\$12.

Hiệu-đỉnh cô-văn

Bài thơ vịnh Kiều của cụ Phạm Lập-Trai

Văn-đàn bảo-giám quyền I có bài thơ vịnh Kiều bằng quốc văn, nhà biên tập bảo là thơ của cụ Phạm Lập-Trai. Bài ấy rằng :

*Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng,
Gót ngọc khôn đành giãc thủy-quan.
Nửa gối đoạn-trường tan giãc điệp,
Một dây bạc mệnh rút cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế gian.*

Nhà biên tập V. đ. b. g. đã lầm. Cụ Phạm Quý-Thích tức Lập-Trai không hề làm bài thơ quốc văn trên này bao giờ, mà cụ chỉ làm bài thơ vịnh Kiều bằng chữ hán :

佳人不是到錢塘
Giai nhân bất thị đáo Tiền-đường
半世烟花債未償
Bán thế yên hoa trái vị thường.
玉面豈應埋水國
Ngọc-diện khải ưng mai thủy-quốc,
冰心自可對金郎
Băng tâm tự khả đối Kim-lương.

斷腸夢裏根緣了
Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu,
 薄命琴終怨恨長
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường.
 一片才情千古累
Nhất phiến tài tình thiên cổ lũy,
 新聲到底爲誰傷
Tân-thanh đáo để vì ai thương.

Ấy cụ Phạm chỉ làm bài thơ chữ hán như thế thôi, rồi người sau mới đem dịch ra quốc văn, mà chính tôi được xem đến hai ba bài dịch, bài trong V.đ.b.g. chỉ là một trong những bài khác.

Những bài thơ dịch tuy cũng đều khá khá, nhưng vì có phải gò gáp về văn về điệu, có chỗ người ta phải làm sai cả ý của nguyên tác đi. Tức như hai câu 3, 4, chính của nguyên-tác thì nghĩa là :

« Mặt ngọc lẽ đâu đến nỗi phải vùi đáy nước.

« Tấm lòng bằng tuyết vẫn có thể đổi với chàng Kim được.»

Thế mà những bản dịch có bản nào dịch được đúng ý nghĩa ấy đâu.

Song dù văn dịch có đúng nghĩa thế nào, hay ho thế nào mặc lòng, bài văn sau khi đã từ thứ chữ nọ dịch chuyển sang thứ chữ kia, nếu người ta còn bắt nhà nguyên-tác phải chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với bài văn dịch, thì thật người ta không biết gì là cái chân giá của văn học cả.

Nên biết văn học vốn khác hẳn với khoa học. Ở về khoa học, một cái nguyên lý của một sự vật gì, nhà khoa học chép ra bằng thứ chữ này, người ta có thể đem dịch ra hàng trăm, nghìn thứ chữ khác mà vẫn không sai một mảy. Thí dụ nhà khoa-học nói :

« Không-khí có sức đè ép, ép trên xuống, dưới lên và ép chung quanh ép vào ». Như vậy người ta dù đem dịch ra bao nhiêu thứ chữ thì nghĩa nó cũng thế mà thôi. Nhưng ở về địa-hạt văn-học thì nó khác xa. Theo các nhà văn-học phê-bình : một bài văn khi đã rời khỏi thứ chữ của chính tác-giả viết ra thì nó không còn gì là cái văn-học nguyên có của nó.

Ấy văn-học nó có một cái tính-chất như thế. Vậy mà nay vì có không tìm ra tên người dịch, người ta đem bài thơ « Giọt nước Tiên-đường... » gán cho tác-giả bài « Giai nhân bắt thi... » phải chịu trách-nhiệm thì thật oan cho cụ Lập-Trai.

Nhưng, chịu trách-nhiệm cho một bài văn dịch đứng đắn, cụ có oan cũng còn oan vừa ; đằng này, cụ lại phải chịu thêm một cái trách-nhiệm về sự nhầm nhut của nhà biên-tập.

Nguyên hai câu 1, 2 ở bài thơ quốc văn trên kia, chính đúng bản dịch thì thế này :

*Giọt nước Tiên-đường chẳng rửa oan,
Yên-hoa chưa trắng nợ hồng nhan.*

Nghĩa là nếu Kiều không gieo mình xuống sông Tiên-đường, thì cái nợ yên-hoa (cái nợ về đời đọa lạc) chưa rửa sạch được, chưa giả trắng được. Dịch thế chính đúng với nghĩa của hai câu nguyên-tắc :

*Giai-nhân bắt-thi đáo Tiên-đường,
Bán thế yên-hoa trái vị thường.*

Vậy mà V. d. b. g., ở câu thơ thứ 2, hai chữ yên-hoa lại chép ra là *phong-ba*, làm cho cả hai câu 1, 2, đều thành ra ngơ ngẩn chẳng còn có nghĩa lý gì.

Mong rằng V. d. b. g. có in lại lần sau, sẽ sửa chữa đi những cái nhầm quan-hệ đó. TRÚC-KHÊ

Nhà sách

NGUYỄN KHÁNH-ĐÀM

TẠM Ở 55 ĐƯỜNG LEGRAND DE LA LIRAYE, DAKAO

**TỔNG-PHÁT-HÀNH BÁO SÁCH
TÂN DÂN. CÓ BÁN ĐỦ CÁC
BÁO CHÍ VÀ SÁCH VỎ BẮC-KỲ**

**Đang tìm một căn nhà rộng có cửa
hàng đẹp để bày đủ các hóa sản Bắc-kỳ**

NHỮNG TÁC-PHẨM ĐÃ XUẤT-BẢN TRONG
PHỔ-THÔNG BẢN-NGUYỆT-SAN
(Tiếp theo trang 4)

- Số 67.** Lá cây nhuộm máu của *La-sơn Thần-linh*
» **68.** Nợ nần của *Nguyễn-Công-Hoan*
» **69.** Kho vàng Sầm-sơn. I của *Tchya*
» **70.** Kho vàng Sầm-sơn. II của *Tchya*
» **71.** Đề cho chàng khỏi khổ! của *Vũ-Bằng*
» **72.** Tiếng khóc trong sương của *Lan-Khai*
» **73.** Trường đời. I của *Lê-Văn-Trương*
» **74.** Trường đời. II của *Lê-Văn-Trương*
» **75.** Trường đời. III của *Lê-Văn-Trương*
» **76 77.** Tấm lòng người kỹ-nữ của *Tr. Huyền-Trần*
» **78.** Ba truyện mồ bụng của *Vũ Bằng*
» **79.** Cánh bướm thoát tục của *Lan-Khai*
» **80.** Tình-sử Việt-Nam của *Trúc Khê*
» **81.** Cô Nhung của *Lưu Trọng-Lư*
» **82.** Xao kham la của *Lâm-Mỹ Hoàng-Ba*
» **83.** Ngày mai trời lại sáng của *Nguyễn-dân-Giám*
» **84.** Nó giết người của *Lê-văn-Trương*

LÊ VĂN - TRƯỜNG

MỘT CUỘC SĂN VÀNG

PHIÊU - LƯU KỸ - SỰ



TỦ SÁCH TẠO - DÂN

NHÀ XUẤT - BẢN TÂN - DÂN, HÀ NỘI